

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

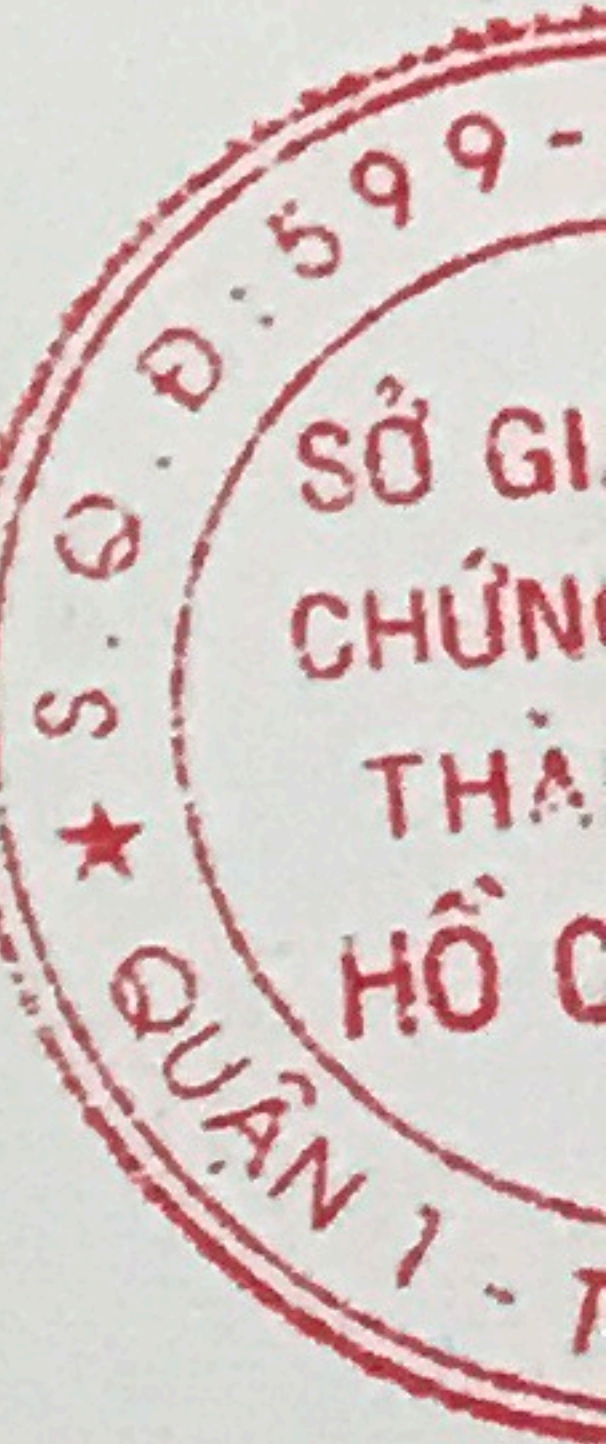


## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số ...../2017/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 06 năm 2017)



#### BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI



Địa chỉ: Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
Điện thoại: 0293 856 555 Fax: 0293 851 123  
Website: <http://www.anphatmineral.com/>

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: 04.3556 2875 Fax: 04.3974 1760  
Chi nhánh: Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại: 08.3820 9987 Fax: 08.3820 9993  
Website: [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

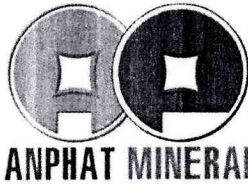
#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Vũ Thanh Bình

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Điện thoại: 04.3851 2603

Fax: 04.3851 9203



**ANPHAT MINERAL**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN  
AN PHÁT – YÊN BÁI**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

**Tên cổ phiếu** : Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông  
**Mã cổ phiếu** : HII  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Tổng số lượng niêm yết** : 13.600.000 cổ phiếu  
**Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá** : 136.000.000.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.**

**Trụ sở chính:** Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**Điện thoại:** 04. 6664 2777

**Fax:** 04. 6664 3777

**Website:** <http://www.ifcvietnam.com.vn/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

**Trụ sở chính:** Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Điện thoại:** 04. 3556 2875

**Fax:** 04. 3556 2874

**Website:** [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

# MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>5</b>
<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	11
3. Rủi ro đặc thù .....	11
4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán.....	13
5. Rủi ro về thanh khoản.....	13
6. Rủi ro khác .....	13
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .</b>	<b>14</b>
1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái .....	14
2. Tổ chức tư vấn.....	14
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>15</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>16</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông.....	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .....	30
6. Hoạt động kinh doanh.....	32
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	47
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
9. Chính sách đối với người lao động.....	55
10. Chính sách cổ tức .....	58
11. Tình hình hoạt động tài chính .....	58
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....	66
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	79
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	80
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty .....	81
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	83
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	84
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết .....	84

<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>85</b>
1. Loại chứng khoán.....	85
2. Mệnh giá.....	85
3. Mã chứng khoán.....	85
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	85
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	85
6. Phương pháp tính giá.....	86
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	88
8. Các loại thuế có liên quan.....	89
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....</b>	<b>92</b>
1. Đơn vị tư vấn.....	92
2. Đơn vị kiểm toán.....	92
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>92</b>

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm.....	7
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F.....	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.....	22

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 08/03/2017.....	28
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ.....	29
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 08/03/2017.....	30
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2015 –2016.....	38
Bảng 6: Cơ cấu giá vốn hàng bán giai đoạn 2015 – 2016.....	41
Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2015 – 2016.....	43
Bảng 8: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	46
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2015 – 2016.....	47
Bảng 11: Thời gian khấu hao TSCĐ.....	59
Bảng 12: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	59
Bảng 13: Chi tiết các quỹ.....	60
Bảng 14: Chi tiết số dư các khoản vay.....	60
Bảng 15: Chi tiết hàng tồn kho.....	62
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu.....	63
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả.....	63
Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính.....	64
Bảng 19: Tình hình sử dụng đất của Công ty.....	79
Bảng 20: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018.....	80

## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái nói riêng.

#### **1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới**

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), nền kinh tế thế giới năm 2016 sẽ diễn biến dưới kỳ vọng và không đồng đều. Nền kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi những yếu tố như năng suất thấp, dân số già, những triển vọng chưa rõ ràng từ việc Mỹ nâng lãi suất và sự chững lại của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc. Những biến động của nền kinh tế thế giới này được cho sẽ ảnh hưởng nhiều tới các thị trường tiền tệ, hàng hóa trong năm 2016. IMF đã hạ mức dự báo tăng trưởng của Mỹ, nền kinh tế đầu tàu thế giới, từ 2,2% xuống còn 1,6% năm 2016 và nhận định năm 2017 cũng chỉ đạt mức tăng trưởng là 1,8%, cho rằng kinh tế Mỹ đã để mất phần nào động lực có được trong vài năm qua, khi ngành dầu mỏ giảm sút, đầu tư doanh nghiệp yếu và dự trữ hàng của doanh nghiệp trong tình trạng dư kéo dài.

Thế giới sắp bước sang năm 2017 trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu phục hồi khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn, trời sập hồi đầu năm 2016. Các nền kinh tế lớn đã dần lấy lại được đà tăng trưởng mà đáng kể nhất là kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng GDP lên tới 3,2% trong quý III/2016 và thị trường tiếp tục có những phản ứng tích cực sau khi ông Donald Trump đắc cử Tổng thống.

Năm 2017 được dự báo sẽ là Mỹ với mức tăng GDP khoảng 2,2% khi chính quyền của Tổng thống đắc cử Donald Trump thực thi các chính sách bảo hộ kinh tế, tăng chi cho cơ sở hạ tầng, giảm thuế và nới lỏng các quy định kiểm soát các doanh nghiệp để tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế.

Dự báo tăng trưởng GDP của EU và Vương quốc Anh năm 2017 sẽ khả quan hơn năm 2016 khi những lo ngại về tác động tiêu cực từ Brexit đã giảm bớt. Đối với các nền kinh tế lớn mới nổi, dự báo GDP của Trung Quốc vẫn ổn định ở mức trên 6,5%, tăng trưởng của Nga và Ấn Độ sẽ suy giảm nhẹ, trong khi sự phục hồi của kinh tế Brazil phụ thuộc nhiều vào tình hình chính trị nội bộ đang có nhiều biến động tại quốc gia Nam Mỹ này.

Đến tháng 3/2017, tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,3%, bằng mức dự báo đưa ra hồi tháng 11/2016 và cao hơn mức tăng 3% của năm 2016 - mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm

2009. Trong đó, Hoa Kỳ 2,4% và 2,8%; Trung Quốc là 6,5% và 6,3%; Nhật Bản là 1,2% và 0,8%. (Theo Báo cáo triển vọng kinh tế của OECD ngày 07/3)

Bên cạnh đó, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ - FED quyết định tăng lãi suất cơ bản thêm 0,25 điểm phần trăm lên 0,75 - 1%, ngày 15/03/2017, lần tăng thứ 2 trong 3 tháng qua do: Tăng trưởng kinh tế ổn định; thị trường việc làm phát triển mạnh và tỷ lệ lạm phát đang tiệm cận mục tiêu 2%. Quyết định trên thể hiện nỗ lực lớn của FED nhằm đưa chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ trở lại mức cân bằng hơn sau gần một thập kỷ nới lỏng nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau khủng hoảng tài chính năm 2007 - 2008.

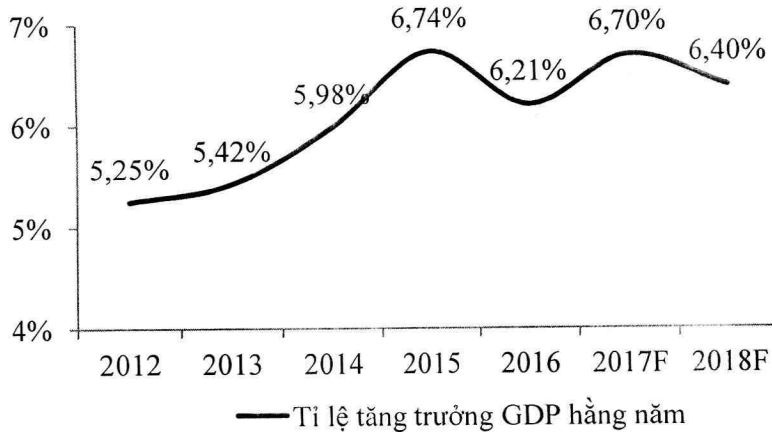
Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong ngắn hạn sẽ tăng lên do triển vọng tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu được cải thiện đáng kể, trong khi các nền kinh tế mới nổi vẫn là động lực chính giúp thúc đẩy và củng cố triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, đà tăng trưởng này có thể bị đe dọa bởi chính sách hướng nội tại một số quốc gia và điều kiện tài chính toàn cầu ngày càng thắt chặt. Do đó, IMF kêu gọi các nước thành viên thuộc Nhóm 20 nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) duy trì khung thương mại đa phương cởi mở, hoàn tất các cải cách tài chính và củng cố cấu trúc tài chính quốc tế.

## **1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

**Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm**



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ cải thiện lên mức 6,7% trong 2017 và 2018 nhờ sản xuất nông nghiệp được phục hồi và triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục cải thiện.

Theo phân tích của WB, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay đang phải đối mặt những hạn chế cơ cấu ngày càng lớn. Tăng trưởng kinh tế đã trở nên quá phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất (vốn, tài nguyên và lượng lao động kỹ năng thấp), cũng như các biện pháp kích thích kinh tế vĩ mô (các chính sách nới lỏng tài khóa và tín dụng) trong khi đóng góp của tăng trưởng năng suất (tổng năng suất các yếu tố - TFP) đang giảm xuống.

Nhận thức được tầm quan trọng, Quốc hội đã thông qua quyết định tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, bao gồm tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Bên cạnh đó, kinh tế toàn cầu tiếp tục suy trần và viễn cảnh về hiệp định TPP đang nhạt dần có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của Việt Nam thông qua các kênh thương mại và đầu tư. Trong khi đó, tình hình thị trường tài chính toàn cầu chưa khởi sắc và viễn cảnh tăng lãi suất do dự báo về thắt chặt chính sách tiền tệ tại Mỹ cũng làm dấy lên một số quan ngại, khi Việt Nam đang có dự kiến tiếp cận thị trường quốc tế để đáp ứng một số nhu cầu huy động vốn cho ngân sách.

Theo nhận định đến tháng 3/2017, nền kinh tế Việt Nam có thể tiếp tục duy trì khả năng tăng trưởng 6 - 6,5% trong năm 2017. Tuy nhiên, kinh tế thế giới thay đổi có thể tác động bất lợi cho kinh tế Việt Nam trong năm 2017 và những năm tiếp theo: (i) Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập đã giảm mạnh tại hầu hết các nền kinh tế APEC và trên toàn



cầu, đặc biệt tại các nước phát triển; (ii) Xu hướng bảo hộ thương mại phi thuế quan tăng mạnh, đặt ra thách thức lớn cho các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam.

### **1.3. Lãi suất**

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức mức 14%.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2%–0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7% – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3% -11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm nay có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh.

Năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý I và cuối quý IV. Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3% - 5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm.

Cùng với đợt điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất vào cuối quý IV, mặt bằng lãi suất huy động còn chịu thêm áp lực từ việc tỷ giá nóng lên sau bầu cử Mỹ và quyết định tăng lãi suất trong tháng 12 của FED và yếu tố mùa vụ với việc tăng trưởng tín dụng gia tốc về cuối năm cũng như nhu cầu đảm bảo thanh khoản của các ngân hàng xung quanh thời điểm cuối năm dương lịch và Tết Nguyên đán.

Trong 2 tháng đầu năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với

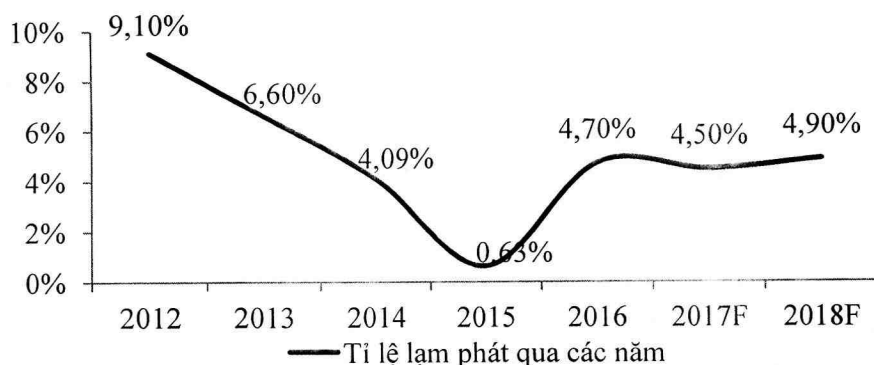
tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm. (NHNN). Trong khi đó, lãi suất cho vay tiếp tục ổn định.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, nợ phải trả của Công ty là 250,3 tỷ đồng tương đương với 68% tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay là 236,4 tỷ đồng (Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016).

#### 1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

**Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F**



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Trong quá trình phát triển kinh tế 2000 - 2007, chính phủ Việt Nam muốn thúc đẩy nền kinh tế. Do đó, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Chính phủ đã nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,8%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm. Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Lạm phát năm 2013 được kiềm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%, thấp nhất trong 10 năm qua đạt mục tiêu đề ra là khoảng 8% so với năm 2012. Bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 5,0%. Tuy nhiên, sang năm 2015, lạm phát ghi nhận thấp nhất trong 15 năm qua, nguyên nhân chính

là do chi phí đẩy giảm. Cụ thể, nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, cùng với sự cạnh tranh với các nước đã khiến chỉ số giá nhóm lương thực năm 2015 giảm 1,24% so với cuối năm trước. Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới gần đây giảm mạnh, đặc biệt là giá dầu cũng khiến nhóm hàng "nhà ở và vật liệu xây dựng" và "giao thông" năm 2015 lần lượt giảm 1,62% và 11,92%, so với năm trước, trong đó riêng giá xăng dầu giảm gần 25% góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra việc CPI giảm còn do nguyên chủ quan từ việc cắt giảm chi tiêu của người dân.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, lạm phát cả năm 2016 là 4,74% đạt mục tiêu dưới 5% theo Nghị Quyết quốc hội đề ra. Thách thức điều hành tiền tệ cơ bản ổn định. Lạm phát trong các năm tới dự đoán sẽ tăng ở mức vừa phải trong năm tới do giá hàng hóa và nhiên liệu dần hồi phục.

Lạm phát tháng 02/2017 tăng 0,69% so với đầu năm nhưng tăng tới 5,02% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá nhóm giao thông tăng 9,97% so với cùng kỳ do giá xăng dầu tháng 1/2017 tăng mạnh so với năm trước (tăng khoảng 13% so cùng kỳ); và cũng do chịu tác động một phần của việc tăng giá dịch vụ y tế, giáo dục theo lộ trình tại một số tỉnh, thành (giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng lần lượt 57,21% và 10,07% so với cùng kỳ 2016).

Tuy nhiên, lạm phát cơ bản vẫn duy trì ở mức ổn định (tháng 2/2017 tăng 1,51% so với cùng kỳ). Trong khi đó, nhìn chung lạm phát tổng thể đang có chiều hướng đi lên kể từ tháng 9/2016, chủ yếu do xu hướng tăng giá xăng dầu.

### **1.5. Tỷ giá**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Năm 2016 là năm đầy biến động với đồng đô la Mỹ do tác động trực tiếp của việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu EU (Brexit), việc ông Donald Trump trở thành Thống thống Mỹ và FED tăng lãi suất trong tháng 12, đi kèm lộ trình tăng lãi suất tới 4 lần trong năm 2017, dẫn tới giá USD tăng trên thị trường thế giới.

Xét về yếu tố vĩ mô, Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục là điểm sáng thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, năm 2017 được dự đoán là năm sôi động cho các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện thoái vốn, cổ phần hóa,... là cơ sở đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho Việt Nam. Do đó VCBS dự đoán, tỷ giá USD/VND sẽ tăng 2 - 4% trong năm 2017.

Đến tháng 3/2017, FED đã tăng lãi suất cơ bản đồng USD lần thứ hai trong vòng ba tháng qua sẽ có tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam:

- Khi đồng USD tăng giá khiến tỷ giá trong nước bị điều chỉnh, có thể tạo ra làn sóng đầu cơ và gây áp lực lên tỷ giá chính thức; đồng thời giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ và các thị trường khác, trong đó có châu Âu, sẽ tăng lên.

- Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có sự thay đổi theo hướng có lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam và bất lợi khi rút vốn khỏi thị trường Việt Nam nếu đồng USD tăng giá.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

## **3. Rủi ro đặc thù**

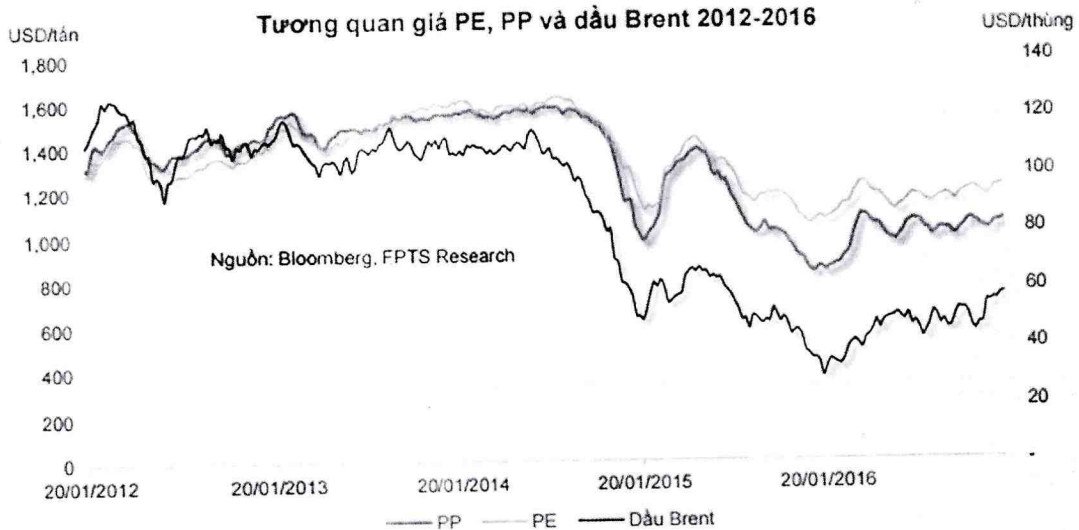
Hoạt động của Công ty liên quan đến lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

### **3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào**

Nguyên liệu đầu vào của Công ty là hạt nhựa nguyên sinh, bột đá  $\text{CaCO}_3$  và các chất phụ gia khác.

Hạt nhựa nguyên sinh được công ty nhập khẩu từ nước ngoài vs các đối tác lớn và uy tín. Công ty cũng đã chủ động ký kết hợp đồng nhập khẩu hạt nhựa nguyên sinh trong thời gian dài để đảm bảo nguồn cung ổn định và không ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nhựa Việt Nam là ngành công nghiệp non trẻ, khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước còn thấp. Tổng nguyên liệu nhựa sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu mỗi năm, 80% còn lại phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu với các sản phẩm nhập khẩu chính là PE, PP và PVC khiến các doanh nghiệp nhựa trong nước khó chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh khi giá nguyên liệu nhập khẩu luôn chịu tác động bởi biến động giá của đồng ngoại tệ. Trong những tháng đầu năm 2017, giá hạt nhựa có nhiều biến động nhưng xu thế chủ yếu là đi xuống do tỷ giá đồng Việt Nam và Đô La Mỹ giảm nhẹ.



Bên cạnh đó, nguồn nguyên vật liệu đầu vào của hạt nhựa là các chế phẩm từ dầu mỏ và khí thiên nhiên. Do đó, biến động giá dầu mỏ trong những năm gần đây đều gây ảnh hưởng đến tương quan giá hạt nhựa PP, PE cũng như thành phẩm của đầu ra của doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2016, giá hạt nhựa giảm mạnh do ảnh hưởng bởi đà giảm của giá dầu thế giới do dư thừa lượng cung từ Mỹ. Đến 6 tháng cuối năm 2016, giá dầu hồi phục đã kéo theo sự gia tăng của giá hạt nhựa trên thị trường thế giới.

Tháng 03/2017, giá dầu giảm mạnh từ mức 53USD xuống còn 48USD/thùng do sản lượng khai thác của Mỹ tăng và lo ngại cam kết cắt giảm sản lượng không được thực thi tiếp. Giá hạt nhựa nhập khẩu giảm USD 100/tấn xuống còn USD 1.060/tấn. Đến đầu tháng 4/2017, giá dầu tăng trở lại lên mức USD 52/thùng do những lo ngại chính trị bất ổn ở các nước sản xuất dầu mỏ, kéo theo giá hạt nhựa tăng lên mức USD 1.080 – 1.090/ tấn. Theo báo cáo tháng 5, giá hạt nhựa quay đầu giảm còn USD 1.040 – 1.050/tấn do giá dầu giảm mạnh còn USD 46/thùng.

Theo dự báo trong những năm tới, giá dầu sẽ tiếp tục ở mức trung bình như hiện tại, giá nguyên liệu đầu vào của ngành công nghiệp nhựa được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức trung bình và biến động giá trong biên độ hẹp. Điều này sẽ làm giảm áp lực lên nguồn cung nguyên vật liệu của Công ty cũng như giá của thành phẩm bán ra tới người tiêu dùng. Vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ ít chịu tác động từ giá thành nguyên vật liệu.

Một trong những nguyên liệu quan trọng khác là bột đá  $\text{CaCO}_3$  được Công ty nhập chủ yếu từ các mỏ Lục Yên và Mông Dương thuộc Tỉnh Yên Bái. Hoạt động khai thác đá thường chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên do đó biến động về thời tiết mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản Khai thác của các mỏ đá và ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí

bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuê tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào do đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Công ty.

### **3.2. Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

Hiện nay, dự kiến sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá trắng của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang có chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

### **4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán**

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

### **5. Rủi ro về thanh khoản**

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 có hiệu lực ngày 01/02/2015 đã có những tác động trực tiếp và gián tiếp đối với thị trường chứng khoán. Điều 14 thông tư 36 quy định, tín dụng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (giảm từ mức 20%) và các tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Những quy định mới này đã ảnh hưởng đến nguồn cung tiền của thị trường chứng khoán, hoạt động giao dịch ký quỹ của các Công ty Chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư lo ngại, dẫn đến thị trường mất thanh khoản ảnh hưởng tới toàn mã chứng khoán đang giao dịch và các công ty chuẩn bị niêm yết lên sàn.

### **6. Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Ông: Vũ Thanh Bình Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thu Nhân Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Bà: Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Ông: Nguyễn Minh Giang Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

*(Theo Giấy uỷ quyền số 02/UQ-CKCT01 ngày 16/03/20176 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)*

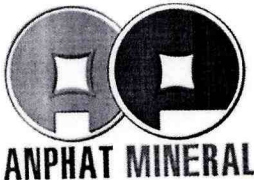
Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 10/2017/TVNY/CKCT07-APYB ký ngày 06/03/2017 với Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

<b>Từ, nhóm từ</b>	<b>Diễn giải</b>
Công ty/ Tổ chức niêm yết/AnPhat Mineral/HII/	: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Tổ chức tư vấn/VietinBankSc	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
AnPhat Plastic	: Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
CTCP/CP	: Công ty Cổ phần/Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
DN	: Doanh nghiệp
BCTC	: Báo cáo tài chính
SLCP	: Số lượng cổ phần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LN	: Lợi nhuận
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TSCĐ	: Tài sản cố định
TMCP	: Thương mại cổ phần



**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên Công ty	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI</b>
Tên giao dịch quốc tế	: An Phat - Yen Bai Mineral and Plastic Joint Stock Company
Tên viết tắt	: ANPHATYENBAIM&P.,JSC
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại	: 0293 856 555
Fax	: 0293 851 123
Website	: <a href="http://www.anphatmineral.com">www.anphatmineral.com</a>
Logo	: 
Giấy CNDKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016
Vốn điều lệ hiện tại	: 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng) (tại 01/03/2017)
Tài khoản ngân hàng	: 46010002166141
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – chi nhánh Hải Dương
Thời điểm trở thành Công ty đại chúng	: 08/03/2017

**\* Ngành nghề kinh doanh chính:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Chế biến đá và các sản phẩm từ đá
- Khai thác đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE);
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình thiết bị;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì các loại;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- In ấn
- Dịch vụ liên quan đến in  
Chi tiết: In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Bán buôn hóa chất ngành nhựa;

**1.2. Quá trình hình thành, phát triển**

Được thành lập năm 2009, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (AnphatPlastic) kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (Anphat Mineral) đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

**Bảng 1: Quá trình hình thành, phát triển**

<b>Năm</b>	<b>Thành lập và phát triển</b>
10/2009	Thành lập công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái với 4 thành viên sáng lập. UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận cho Công ty thuê 40.000 m <sup>2</sup> đất với thời hạn 50 năm tại Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái. Công ty đã tiến hành giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO <sub>3</sub> với công suất 4.800 tấn/năm
08/2010	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Công ty chính thức đưa nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO <sub>3</sub> đi vào hoạt động. Sản phẩm được các đối tác trong nước và ngoài nước đón nhận
2011	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy lên 10.000 tấn/năm
01/2013	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng. Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 15.000 tấn/năm
08/2014	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án với công suất sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO <sub>3</sub> đạt 35.000 tấn/năm. Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 20.000 tấn/năm
01/2015	Sau khi tham khảo thị trường Công ty quyết định đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất sang hệ thống máy trộn cao tốc 2 nòng trục với ưu điểm là nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội, các chi phí điện năng tiêu thụ và nhân công thấp hơn so với các dây chuyền cũ
04/2016	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm
08/2016	Công ty đầu tư dự án nâng công suất thiết kế nhà máy sản xuất hạt Nhựa CaCO <sub>3</sub> lên 150.000 tấn/năm, Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Bột đá CaCO <sub>3</sub> công suất thiết kế đạt 222.000 tấn/năm.

Năm	Thành lập và phát triển
10/2016	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng để mở rộng sản xuất.

**1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ**

**1.3.1. Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần**

- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 40.000.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý:
- Giấy đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009.

**1.3.2. Tăng vốn đợt 1 năm 2010**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- **Phương thức tăng vốn:** Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 01:01 (cổ đông nắm giữ 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu). Trong quá trình chào bán, nhiều cổ đông hiện hữu không đăng ký mua cổ phần. Số lượng cổ phần chưa đăng ký hết được tiếp tục chào bán cho các cổ đông khác (bao gồm cả cổ đông hiện hữu).
- **Mục đích sử dụng vốn:** Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo3 – tại tỉnh Yên Bái
- **Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: 13/08/2010**
- **Hồ sơ pháp lý:**
  - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0503/2010/BB-DHĐCD ngày 05/03/2010;
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0503/2010/NQ-ĐHĐCD ngày 05/03/2010;

- Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/8/2010.

**1.3.3. Tăng vốn đợt 2 năm 2011**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các nhà đầu tư có nhu cầu là cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái và các cá nhân khác.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Huy động vốn đầu tư máy móc, phương tiện sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, Công ty sử dụng số tiền từ đợt tăng vốn để đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> – tại tỉnh Yên Bái.
- **Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: 25/04/2011**
- **Hồ sơ pháp lý:**
  - Biên bản ĐHCĐ số 1503/2011/BBĐHĐ-AP ngày 15/03/2011.
  - Nghị quyết ĐHCĐ 1503/2011/NQĐHĐ-AP ngày 15/03/2011
  - Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/4/2011

**1.3.4. Tăng vốn đợt 3 năm 2016**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 136.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 136.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Phương thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo<sub>3</sub> và bột đá CaCo<sub>3</sub> và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

- Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: 21/02/2017
- Hồ sơ pháp lý:
  - Biên bản ĐHCĐ số 1110/2016/BB-ĐHCĐĐ ngày 11/10/2016.
  - Nghị quyết ĐHCĐ số 1110/2016/NQ-ĐHCĐĐ ngày 11/10/2016.
  - Biên bản HĐQT số 2502/2017/NQ-HĐQT ngày 25/02/2017.
  - Nghị quyết HĐQT số 2502/2017/NQ-HĐQT ngày 25/02/2017.
  - Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016.

## **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

### **2.1. Thông tin chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái được thành lập năm 2009, là một thành viên của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, có trụ sở tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, với vốn điều lệ ban đầu 40 tỷ đồng.

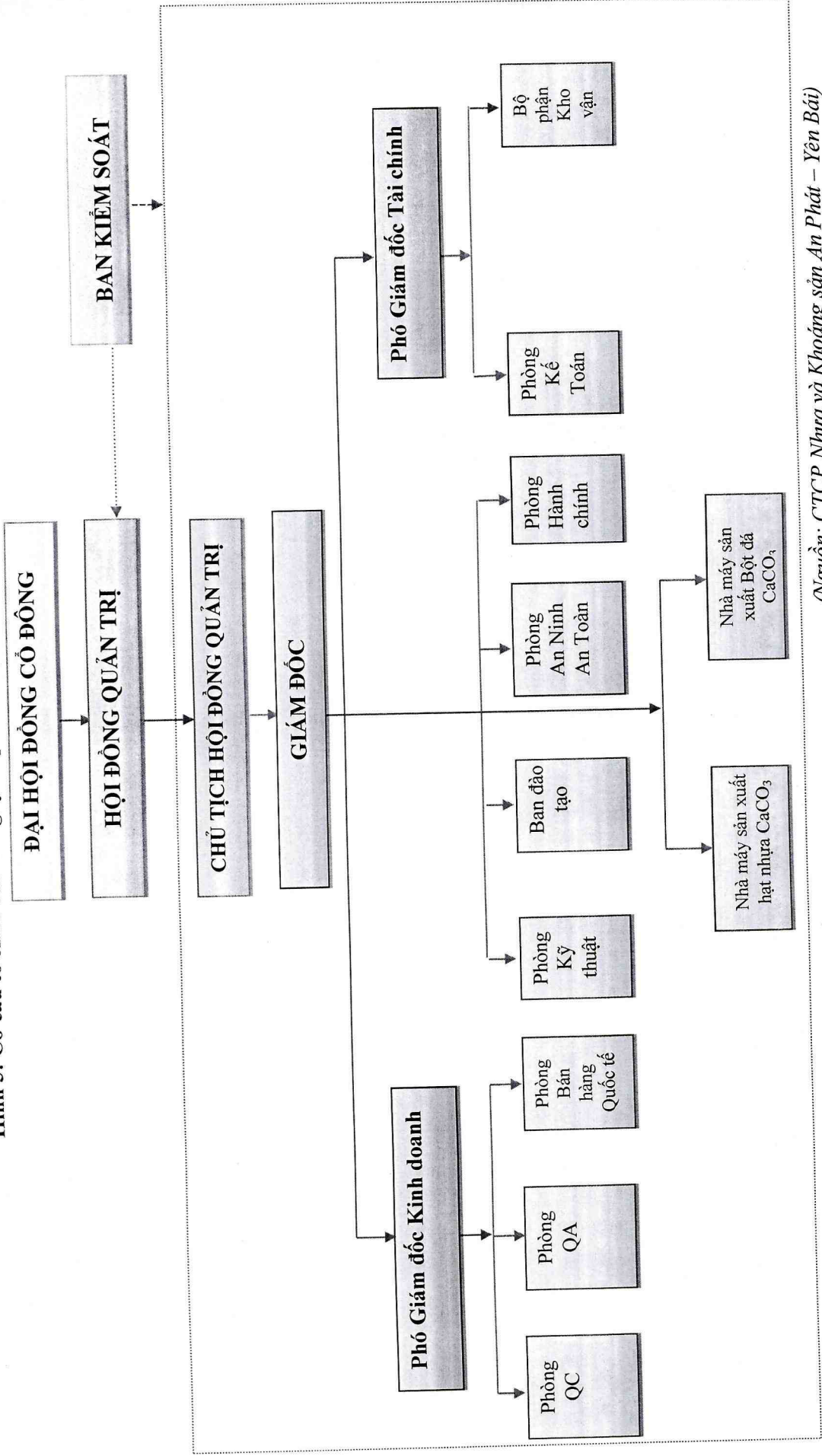
Hoạt động của Công ty gồm 2 mảng chính là kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh và sản xuất hạt nhựa phụ gia. Trong đó, mảng sản xuất doanh thu đang tăng lên và chiếm tỷ trọng chính trong hoạt động của Công ty, hạt nhựa phụ gia của Công ty (Anphat Calbest (PE và PP)) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm... Ngoài ra hạt nhựa phụ gia Anphat Calbest được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bột bả, sơn... Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy...

Thời gian đầu hoạt động, sản phẩm của Công ty chủ yếu cung cấp cho Công ty mẹ, đến nay, thị trường của Công ty đã được mở rộng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu sang các nước: EU, UAE, Ấn Độ, Nga... Đến nay, doanh thu từ thị trường này chiếm trên 50% doanh thu hoạt động của Công ty. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên thành 136 tỷ đồng.

Hiện tại, Công ty sở hữu một nhà máy với diện tích 40.000 m<sup>2</sup>, được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, trị giá khoảng 90 tỷ đồng với công suất gần 40.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty đang đầu tư mở rộng sản xuất, nhập thêm máy móc thiết bị, nâng công suất sản xuất lên trên 100.000 tấn sản phẩm/năm.

### **2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

**Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái**



(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

### **3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các phòng, ban chức năng

#### **3.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### **3.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm trong đó nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên điều hành của Hội đồng quản trị là 04 (bốn) năm, nhiệm kỳ của



thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là 03 (ba) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Quyết định việc phát hành trái phiếu thường (trái phiếu không chuyển đổi) theo thẩm quyền; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đức Tứ	Ủy viên HĐQT
Bà Trần Thị Hoàn	Ủy viên HĐQT
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT

### 3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, BKS của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đặng Thị Xuê	Kiểm soát viên
Bà Hoàng Phương Hằng	Kiểm soát viên

### 3.4. Ban Giám đốc

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Thanh Bình	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Phạm Văn Khương	Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh

### 3.5. Các phòng, ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 3.5.1. Phòng Kế toán:

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

#### 3.5.2. Phòng Hành chính:

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty.

### 3.5.3. Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC):

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

### 3.5.4. Phòng QA

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng

### 3.5.5. Phòng Kỹ thuật

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy.

- Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;

- Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách nhiệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;

### **3.5.6. Phòng ANAT (Phòng An Ninh An Toàn)**

Là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

### **3.5.7. Ban đào tạo**

Là bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

### **3.5.8. Phòng bán hàng quốc tế**

Là phòng tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

### **3.5.9. Bộ phận kho vận**

Là bộ phận phụ trách việc nhập xuất hàng hóa tại kho của Công ty.

### **3.5.10. Các nhà máy sản xuất**

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Hiện các Nhà máy do Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

## **4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông**

### **4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 09/05/2017**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP nhựa và Môi trường xanh An Phát	0800373586	Lô CN 11 + CN12, Cụm công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	4.800.000	35,29
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.800.000</b>	<b>35,29</b>

(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

**Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	0800373586	Lô CN 11+CN 12, Cụm CN An Đông, TT.Nam Sách, H.Nam Sách, T.Hải Dương	4.800.000	35,29
2	Phạm Hoàng Việt	012222457	Tổ 49, TT. Viện Khoa học Việt Nam, Nghĩa Đô, Cầu Giấy Hà Nội	60.000	0,41
3	Nguyễn Lê Trung	013164787	Số 3, ngõ 39, Phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	40.000	0,29
4	Lê Mạnh Hùng	142026980	Xã An Bình, Huyện Nam Sách, Hải Dương	0	0

(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 09/05/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	13.600.000	100	312
	- Tổ chức	4.800.000	35,29	1
	- Cá nhân	8.800.000	64,71	311
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.600.000</b>	<b>100</b>	<b>312</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ

Không có.

5.2. Các Công ty con

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, tính đến ngày 18/05/2017 Công ty đã thực hiện đầu tư vào 02 Công ty là: Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín sở hữu 54,45% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 66 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành sở hữu 99,67% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 30 tỷ đồng). Chi tiết như sau:

T	Tên Công ty	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Thời gian hoàn thành việc góp vốn	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Số 0801177672 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/03/2017	Số 898 đường Lê Thanh Nghị, Khu 9, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	66.000	36.000	54,55	04/04/2017	- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và biển dương - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải...
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	Số 0801208793 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017	Số 95 đường Khúc Thừa Dụ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	30.000	29.000	96,67	16/05/2017	- Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PC, PVC, ABS, PET; Bán buôn vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì nhựa - Sản xuất bao bì màng mỏng, bao bì màng phức từ nhựa PP, PE - Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

5.3. Các Công ty liên doanh, liên kết

Không có



**5.4. Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

STT	Tên Công ty	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP nhựa và Môi trường xanh An Phát	0800373586	Lô CN 11 + CN12, Cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	4.800.000	35,29
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.800.000</b>	<b>35,29</b>

**6. Hoạt động kinh doanh**

➤ **Lĩnh vực hoạt động chính:** Sản xuất kinh doanh vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa.

- Số năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính: 08 năm
- Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty: Kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh, sản xuất các sản phẩm, phụ gia nhựa (hạt nhựa phụ gia...).
- Hạt nhựa nguyên sinh: Là nguyên liệu phục vụ sản xuất hạt phụ gia của Công ty, đồng thời Công ty cũng kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh.
- Hạt nhựa phụ gia: Hạt phụ gia Calbest, Hạt phụ gia PP... tạo thành bởi phụ gia và bột đá (CaCO<sub>3</sub>), trong đó có chứa khoảng 70% - 80% CaCO<sub>3</sub> và 20% - 30% nhựa nguyên sinh PE, PP, nhựa Polypropylen với một số phụ gia khác.

➤ **Năng lực hoạt động SXKD:**

Hiện tại An Phát Yên Bái đang sở hữu một nhà máy với diện tích 40.000 m<sup>2</sup> được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại trị giá hàng chục tỷ đồng với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm. Sản phẩm chính của công ty là Hạt nhựa phụ gia Anphat Calbest (PE và PP) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm... Ngoài ra hạt phụ gia Anphat Calbest được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bột bả, sơn... Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy...

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực trình độ quản lý và sản xuất, dây chuyền sản xuất hiện đại, được thừa hưởng kinh nghiệm nhiều năm trong nghề, cùng

mong muốn cung cấp cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, chúng tôi luôn lắng nghe ý kiến của khách hàng, không ngừng nghiên cứu sáng tạo để cải tiến các phương thức sản xuất kinh doanh, đưa ra các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.

➤ **Phương thức tổ chức hoạt động SXKD:**

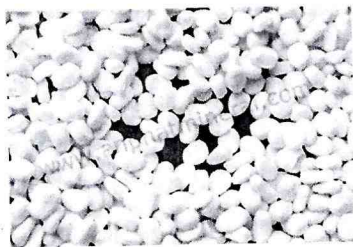
Nguyên liệu chính cho hoạt động của Công ty là hạt nhựa nguyên sinh, bột đá CaCo<sub>3</sub>... trong đó hạt nhựa nguyên sinh chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài với nguồn cung cấp dồi dào. Bột đá vôi (CaCo<sub>3</sub>) được mua của các đơn vị tại địa bàn Yên Bái (mỏ đá Mông Sơn và Lục Yên với trữ lượng lớn, hàm lượng CaCO<sub>3</sub> lớn hơn 98,5% cũng như độ trắng, độ sáng cao và đồng nhất, được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá là tốt nhất Việt Nam và Đông Nam Á): Công ty Cổ Phần Mông Sơn, Công ty TNHH Khoáng Sản Nhật Linh...

Sản phẩm của Công ty một phần nhỏ được xuất bán cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát còn lại chủ yếu được xuất khẩu. Hiện tại, thị trường xuất khẩu của Công ty được mở rộng với các thị trường chính là EU, UAE, Nga và Ấn Độ... Tỷ trọng doanh thu bán hàng cho Công ty mẹ từ chiếm 41,9% trong tổng doanh thu năm 2013, giảm còn 24,8% năm 2014 và 25,4% năm 2015, 19% năm 2016 và sẽ đẩy mạnh xuất khẩu vào các năm tiếp theo:

➤ **Sản phẩm của Công ty**

i. **Các sản phẩm sản xuất**

Công ty chuyên sản xuất sản phẩm Hạt nhựa phụ gia CaCo<sub>3</sub> bao gồm các loại sản phẩm như Hạt nhựa phụ gia An Phát Calbest, Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PE, Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PP...



**Hạt nhựa phụ gia An Phát Calbest**



**Hạt nhựa phụ gia An Phát Calbest cho nền PE**



**Hạt nhựa phụ gia An Phát Calbest cho nền PP**

✦ **Hạt nhựa phụ gia An Phát Calbest**

- **An Phát Calbest** là một hợp chất phụ gia ngành nhựa, tạo thành bởi phụ gia và bột đá (CaCO<sub>3</sub>), trong đó có chứa khoảng 70% - 80% CaCO<sub>3</sub> và 30% nhựa

nguyên sinh PE với một số phụ gia khác (tùy theo yêu cầu của khách hàng)  
Calbest được sử dụng bằng cách trộn với nhựa nguyên sinh (có thể sử dụng nhựa tái chế nếu khách hàng yêu cầu)

Tỉ lệ thêm từ 5% đến 40% trọng lượng tùy thuộc vào sản phẩm cuối cùng và nó được điều chỉnh dựa trên các điều kiện công nghệ sản xuất.

❖ **Ứng dụng:**

- + Công nghệ: Thổi phim, ép, đúc ...
- + Calbest được sử dụng để thổi màng HDPE, LDPE, LLDPE, túi đựng đồ, nylon, bao Jumbo tiên tiến, vải không dệt, đùn ép bàn ghế, đồ gia dụng ...

❖ **Đặc tính sản phẩm:**

- + Giảm chi phí của sản phẩm (sử dụng ít Nhựa nguyên sinh hơn).  
Cải thiện đặc tính sản phẩm cuối cùng (các thuộc tính cơ khí và hóa lý đều tốt hơn).
- + Sản phẩm tạo ra có màu trắng hoặc màu trắng sáng, giúp giảm tỷ lệ sử dụng chất nhuộm trắng (TiO<sub>2</sub> masterbatch) do đó làm giảm chi phí nguyên liệu đầu vào.  
Nhờ vào tính dẫn nhiệt cao của hợp chất canxi cacbonat (CaCO<sub>3</sub>) và nhựa mà việc làm nóng cũng như làm nguội diễn ra nhanh hơn, chu trình ép, đùn, thổi cũng diễn ra thuận lợi hơn và sản lượng cũng tăng lên.
- + Cải thiện khả năng in trên bề mặt của sản phẩm cuối cùng.
- + Thích hợp cho việc sản xuất túi đựng, không bao gồm bất kỳ các chất độc hại và có hại cho sức khỏe người sử dụng.

✦ **Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PE**

❖ **Ứng dụng**

Hạt phụ gia PE Calbest được ứng dụng cho sản xuất túi shopping, túi đựng thực phẩm, các loại túi tự hủy thân thiện môi trường.

❖ **Ưu điểm**

- + Phụ gia này được sử dụng trong sản xuất các sản phẩm làm từ PE (polyetylen).
- + Sản phẩm không làm tăng ma sát trong máy thổi. Do đó, áp lực về phía bề mặt của màng là thấp (không cần phải thay đổi lưới thường xuyên).
- + Túi thổi ra bóng và chắc chắn hơn so với sử dụng các chất phụ gia khác (phù hợp cho cả những sản phẩm yêu cầu độ trắng sáng cao).
- + Là một phụ gia để giảm chi phí sản xuất cũng như giá thành sản phẩm. Sử dụng phụ gia này, các sản phẩm nhựa không chỉ có giá thành cạnh tranh hơn mà còn thân thiện hơn với môi trường.
- + Bề mặt mịn và các hạt có kích cỡ tương đối đồng nhất.

- + Độ phân tán cao.
- + Giá cả cạnh tranh và chất lượng tốt.
- + Không độc hại và thân thiện với môi trường.

## ✦ Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PP

### ❖ Ứng Dụng

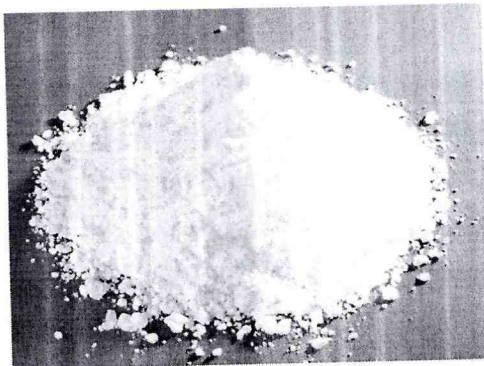
- + PP thổi màng, túi
- + PP không dệt và dệt
- + PP ép phun, đúc thổi, ép đùn.

### ❖ Ưu điểm

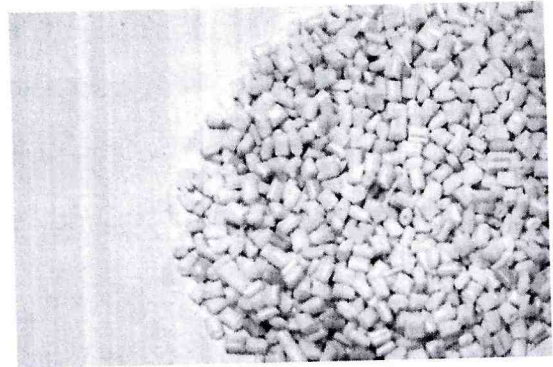
- + Là chất độn, dùng thay thế cho hạt nhựa NS, mục đích giảm giá thành sản phẩm
- + Làm tăng độ cứng cho sản phẩm như bàn, ghế, chai lọ...
- + Tăng khả năng chịu nhiệt, cải thiện khả năng in ấn trên sản phẩm

## ii. Sản phẩm kinh doanh thương mại

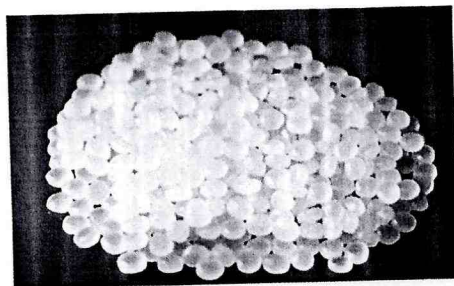
Công ty hiện đang nhập khẩu các sản phẩm như hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa tái chế để làm nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất hạt nhựa phụ gia và sử dụng để kinh doanh thương mại cho các đối tác.



Bột đá CaCo<sub>3</sub> siêu mịn



Hạt nhựa tái chế



Hạt nhựa nguyên sinh



Hạt nhựa màu

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**✦ Hạt nhựa tái chế**

- + Hạt có chất lượng tốt, có nhiều loại khác nhau, tái chế theo dây chuyền của Đài Loan, đạt tiêu chuẩn Quốc tế
- + Cung cấp với số lượng lớn, tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng
- + Đóng gói, vận chuyển theo yêu cầu của khách hàng.
- + Hạt đã qua xử lý đảm bảo chất lượng, vệ sinh môi trường.

**✦ Hạt nhựa nguyên sinh**

- + Có rất nhiều hạt nhựa nguyên sinh, chất lượng tốt
- + Cung cấp với số lượng lớn cho thị trường.

**✦ Hạt nhựa màu**

- + Có nhiều màu sắc khác nhau: xanh, đỏ, tím, vàng...đây là một phần rất quan trọng trong việc pha chế thành nhiều loại sản phẩm có màu sắc theo đơn đặt hàng.
- + Hạt có chất lượng tốt, đồng đều, không pha tạp
- + Cung cấp với số lượng lớn, tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng
- + Đóng gói, vận chuyển theo yêu cầu của khách hàng.

Công ty hiện đang nhập khẩu hạt nhựa nguyên sinh như: LLDPE, HDPE, PP, LDPE với số lượng hàng lớn và chất lượng tốt của các hãng nổi tiếng như: Cherron Philips, CCC, Sabic, Dealim, Borouge...

Trong năm 2017, Công ty dự kiến triển khai sản xuất bột đá CaCo<sub>3</sub> (Từ nhà máy sản xuất Caco<sub>3</sub> dự kiến sẽ đi vào hoạt động thử nghiệm trong tháng 7/2017) và sản xuất hạt nhựa màu nhằm gia tăng các chủng loại sản phẩm của Công ty.

**➤ Các dự án đang triển khai****Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> và nghiền bột đá CaCO<sub>3</sub>.**

- ❖ **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- ❖ **Địa điểm xây dựng:** Khu công nghiệp Phía Nam thành phố Yên Bái
- ❖ **Diện tích sử dụng:** 40.000 m<sup>2</sup>
- ❖ **Tổng công suất thiết kế nhà máy:** 372.000 tấn sản phẩm/năm

Trong đó:

- + Hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>: 150.000 tấn/năm
- + Bột đá CaCO<sub>3</sub>: 222.000 tấn/năm

- ❖ **Tổng vốn đầu tư:** 459,14 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tự có:	234,14 tỷ đồng
+ Vốn vay:	225 tỷ đồng

❖ **Thời gian đi vào hoạt động:** Năm 2016 – 2017: Đầu tư mới 10 dây chuyền hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  với công suất mỗi dây chuyền là 15.000 tấn/năm và 06 dây chuyền bột đá  $\text{CaCO}_3$  với công suất mỗi dây chuyền là 37.000 tấn/năm.

❖ **Mục tiêu đầu tư dự án:**

Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất bột đá  $\text{CaCO}_3$  và hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  theo dây chuyền công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, sản phẩm hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  để phục vụ cho sản xuất bao bì nhựa, sản phẩm bột đá  $\text{CaCO}_3$  một phần cung cấp nguyên liệu đầu vào cho hệ thống các nhà máy trong hệ thống của công ty và đồng thời cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành khác; góp phần tăng tăng thu ngoại tệ và thu ngân sách cho nhà nước, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái và đem lại hiệu quả về mặt kinh tế cho doanh nghiệp.

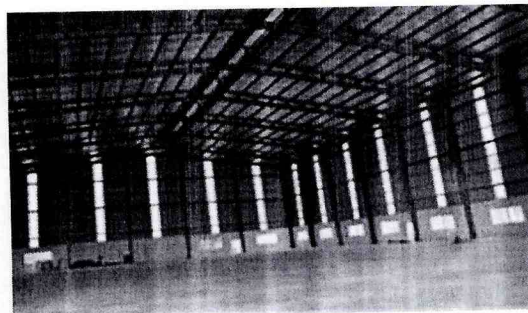
❖ **Hiện trạng dự án:**

- Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp phê duyệt diện tích đất thực hiện dự án là 40.000 m<sup>2</sup> và hiện tại đã được giao diện tích đất là 40.000 m<sup>2</sup>. Diện tích đất khoảng 20.000m<sup>2</sup> đã được công ty bố trí xây dựng các hạng mục cho nhà máy sản xuất hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$ , gồm các hạng mục: Nhà hành chính, nhà ăn, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà xưởng sản xuất, trạm điện và một số công trình phụ trợ khác.
- Hiện đất còn lại khoảng 20.000 m<sup>2</sup> đất công ty chưa tiến hành san tạo mặt bằng, phần diện tích đất này công ty dự kiến để bố trí các hạng mục phân xưởng nghiền bột đá  $\text{CaCO}_3$  và nhà xưởng hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  số 4. Hiện trạng diện tích trên đã được đền bù, giải phóng mặt bằng và hoàn thành xây dựng cơ bản nhà máy. Công ty đang tiến hành lắp đặt máy móc và Dự kiến đến Tháng 7/2017 sẽ đi vào hoạt động thử nghiệm.

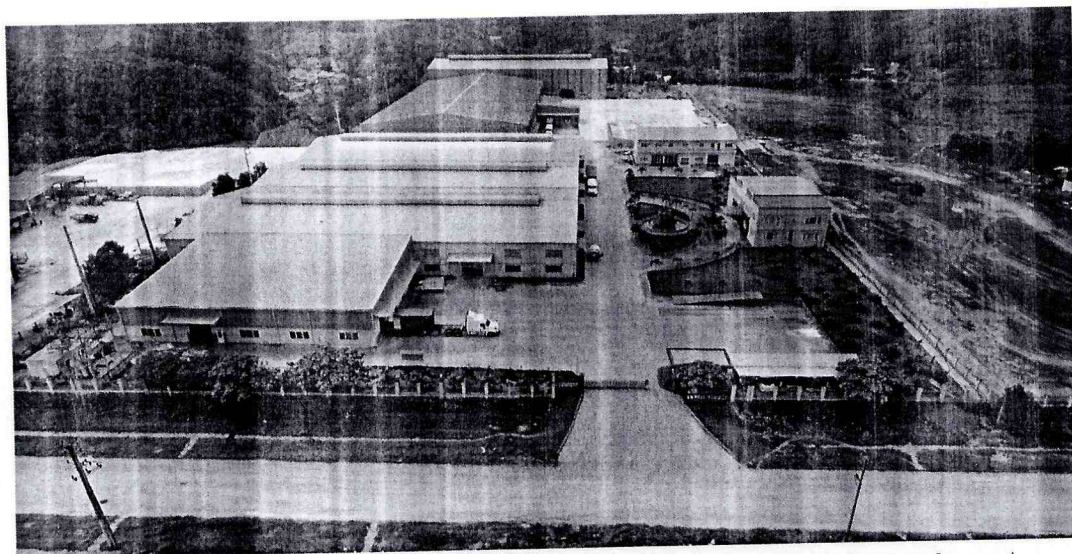
❖ **Các hình ảnh của Dự án đang được hoàn thiện**



*Dây chuyền máy nghiền bột đá CaCo3*



*Xây dựng nhà máy cơ bản đã hoàn thành*



*Ảnh: Khuôn viên nhà máy Sản xuất bột đá và hạt nhựa CaCo3 (từ trên cao)  
(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)*

6.1. Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2015 – Quý I/2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/ giảm năm 2016 so với năm 2015	Quý I/2017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.422.227.793	193.837.344.308	2,87%	140.763.026.977
- Doanh thu bán thành phẩm	137.529.021.956	171.462.587.247	24,67%	79.442.040.921
- Doanh thu bán hàng hóa	50.893.205.837	22.374.757.061	-56,04%	61.365.652.292

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/ giảm năm 2016 so với năm 2015	Quý I/2017
Doanh thu hoạt động tài chính	1.065.576.055	2.273.772.037	113,38%	1.801.371.945
Thu nhập khác	108.935.563	24.216.653	-77,77%	5.020.000
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>189.596.739.411</b>	<b>196.135.333.998</b>	<b>3,45%</b>	<b>142.569.418.922</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nguyên liệu đầu vào, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty (xấp xỉ 99%). Các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Doanh thu của Công ty đến từ bán thành phẩm (hạt nhựa phụ gia CaCo3) và hoạt động kinh doanh bán hàng hóa (kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa tái chế...)

Trong năm 2016, doanh thu hoạt động tài chính tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ do trong năm, tuy vậy doanh thu hoạt động tài chính chỉ chiếm khoảng 1,2% trên cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập của toàn công ty. Các khoản thu nhập khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ đến từ việc thanh lý tài sản cố định, bán vỏ bao hạt nhựa, pallet...

**Cơ cấu Doanh thu tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và ngoài nước giai đoạn 2015 – 2016**

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016	
	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu trong nước
Hạt nhựa phụ gia CaCo3	107.828	29.678	131.013	40.450

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

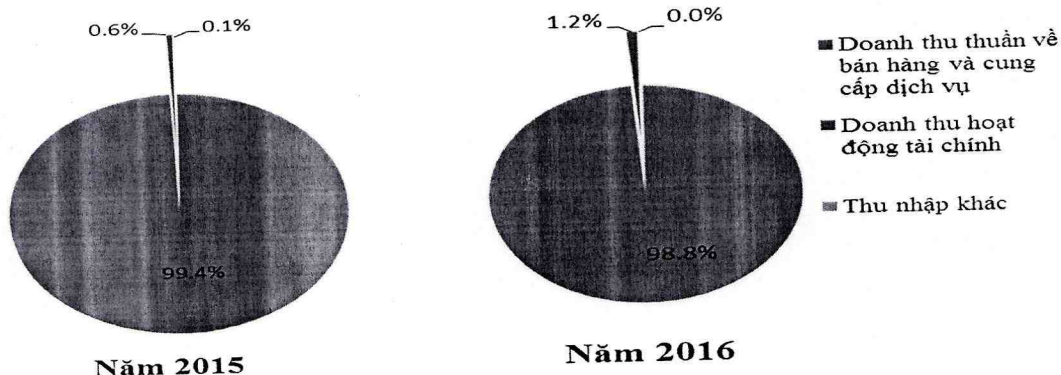
Trong giai đoạn 2015 - 2016, Mặt hàng hạt nhựa phụ gia CaCo3 do công ty sản xuất giành được rất nhiều ưu ái từ các bạn hàng quốc tế. Doanh thu xuất khẩu đạt lần lượt 107,8 tỷ đồng và 131 tỷ đồng. Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lần lượt đạt 57,3% trong năm 2015 và



67,6% trong năm 2016, doanh thu nội địa lần lượt đạt 42,7% và 32,4%. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển của công ty hướng ra thị trường nước ngoài.

Tính đến Quý 1/2017, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 140,7 tỷ đồng tương đương 72,6% doanh thu năm 2016 trong đó Doanh thu từ mảng kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh và mảng hạt nhựa phụ gia đạt lần lượt 61,3 tỷ đồng và 79,42 tỷ đồng.

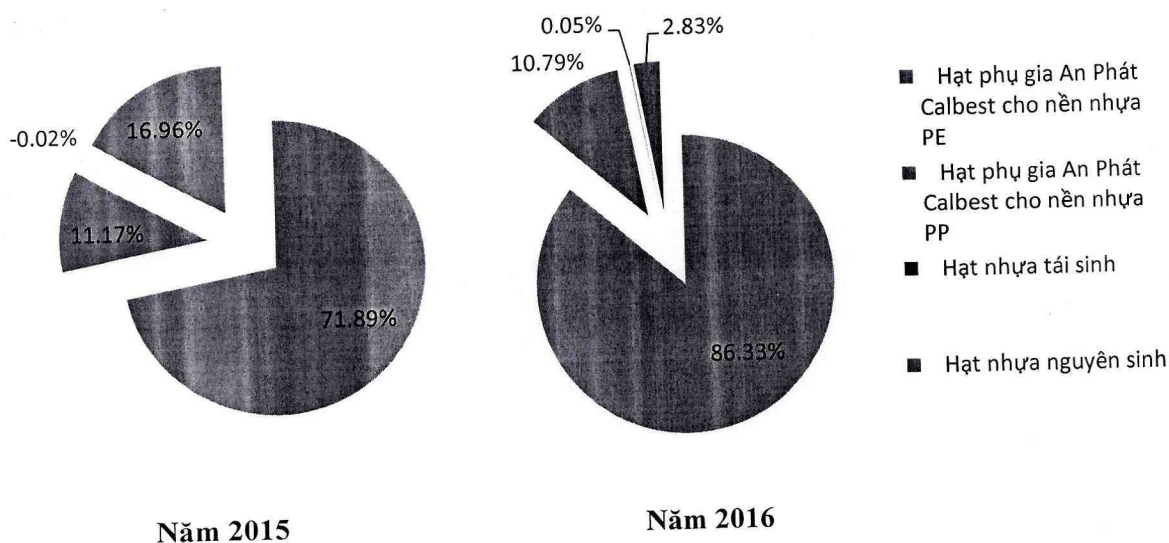
**Hình 4: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của HII giai đoạn 2015 – 2016**



➤ **Cơ cấu doanh thu lợi nhuận trong cấu thành sản phẩm:**

Trong giai đoạn 2015 – 2016, mảng kinh doanh hạt phụ gia An phát Calbest chiếm lần lượt 73% và 89% trong cơ cấu tổng doanh thu và chiếm lần lượt 83% và 97% trong cơ cấu lợi nhuận của Công ty. Trong khi đó mảng kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh chỉ chiếm lần lượt 27% và 11% trong cơ cấu doanh thu và 17% và 2,8% trong cơ cấu lợi nhuận của Công ty trong năm 2015, 2016 do những biến động của giá dầu thế giới.

**Cơ cấu về lợi nhuận của Công ty phân theo sản phẩm trong giai đoạn 2015 - 2016**



**6.2. Cơ cấu giá vốn hàng bán**

**Bảng 6: Cơ cấu giá vốn hàng bán giai đoạn 2015 – Quý I/2017**

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/ giảm năm 2016 so với năm 2015	Quý I/2017
Giá vốn bán thành phẩm	115.077.216.902	128.301.031.486	11,49%	76.375.741.257
Giá vốn bán hàng hóa	46.246.267.199	21.202.425.194	-54,15%	43.898.284.215
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>161.323.484.101</b>	<b>149.503.456.680</b>	<b>-7,33%</b>	<b>120.274.025.472</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)*

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2016 đạt 149,5 tỷ đồng, chỉ giảm 7,33% so với năm 2015 chủ yếu do giá vốn hàng hóa giảm mạnh (54,15%), tuy nhiên phần giá vốn thành phẩm tăng 11,49% do công ty tăng sản lượng bán thành phẩm trong năm. Lý do của việc cắt giảm mạnh giá vốn hàng hóa bởi kể từ năm 2016, Công ty có định hướng chuyển dịch cơ cấu hàng bán chủ yếu sang kinh doanh hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> và hạt phụ gia (kinh doanh bán thành phẩm) và giảm sản lượng thương mại hạt nhựa nguyên sinh. Tính đến 31/3/2017, giá vốn hàng bán của Công ty đạt 120,3 tỷ đồng, tương đương hơn 80% so với năm 2016 và tăng gấp 3,6 lần so với cùng kỳ.

**6.3. Nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu chính của Công ty cho hoạt động sản xuất kinh doanh là: Bột đá CaCO<sub>3</sub> và Hạt nhựa nguyên sinh.

- **Hạt nhựa nguyên sinh**

Hạt nhựa nguyên sinh được Công ty sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất hạt nhựa phụ gia. Hạt nhựa nguyên sinh được nhập khẩu trực tiếp từ Singapore, Thailand, Hàn Quốc, Kuwait, Arab Saudi... Chất lượng của hạt nguyên sinh rất tốt, phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn cung lớn và ổn định.

Trong 2 năm qua, khi nguyên liệu đầu vào để sản xuất hạt nhựa nguyên sinh là than đá và các chế phẩm từ dầu mỏ biến động khá mạnh khiến cho giá mặt hàng hạt nhựa có diễn biến khá phức tạp. Tuy vậy, trong năm 2017, Trong bối cảnh các quốc gia thành viên của Tổ

chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã đồng ý cắt giảm sản lượng lần đầu tiên trong 8 năm, giá dầu trong thời gian gần đây đã hồi phục và ổn định so với thời kỳ trước. Do đó, mặt hàng hạt nhựa nguyên sinh sẽ không có biến động mạnh. Giá hạt nhựa sẽ tăng trong các tháng cuối năm cùng với xu hướng tăng của giá dầu và nhiều khả năng sẽ đi ngang trong năm 2017 hoặc chỉ tăng nhẹ. Giá nhựa sẽ biến động theo giá dầu thế giới, tuy nhiên, để đối mặt với trường hợp biến động mạnh giá nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch tích trữ nguyên vật liệu đủ để sản xuất trong vòng từ 2 tháng đến 6 tháng, đặc biệt vào mùa cao điểm. Do đó, sẽ có một độ trễ nhất định để Công ty có thể linh hoạt nhằm tránh chịu ảnh hưởng mạnh trước sự biến động của chi phí nguyên vật liệu.

- **Chất phụ gia CaCO<sub>3</sub>**

Trong quá trình sản xuất, công ty có nhập một số lượng khoảng 10% - 20% tổng khối lượng các chất phụ gia trong quá trình sản xuất nhựa như hạt CaCO<sub>3</sub>, mực in, dung môi, hạt màu... Tất cả các chất phụ gia này hiện đều có bán trong nước với chất lượng và giá thành hợp lý. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với công ty. Đặc biệt, nguồn nguyên liệu chủ yếu của Công ty là bột đá CaCO<sub>3</sub> được mua từ 2 mỏ đá chính ở Yên Bái là Mỏ Mông Sơn và Lục Yên với trữ lượng dồi dào và ổn định. Đá CaCO<sub>3</sub> ở đây luôn đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe nhất trong khi chế biến hạt nhựa phụ gia. Do vậy, Công ty luôn được đảm bảo về sự ổn định của nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

**Danh sách các nhà cung cấp chính**

STT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm
1	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Gulf Polymers Distribution Company Fzco	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Sabic Asia Pacific Pte Ltd	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Y & M INTERNATIONAL CORP	Hạt nhựa nguyên sinh
5	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	Phụ gia
6	Scg Performance Chemicals Co., Ltd	Phụ gia
7	Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái	Bột đá CaCO <sub>3</sub>

8	Công ty TNHH Canxi Cacbonat Vinafine	Bột đá CaCO <sub>3</sub>
9	Công ty CP Chế biến Khoáng sản Vinavico	Bột đá CaCO <sub>3</sub>

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh**

**Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2015 – Quý I/2017**

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		Quý I/2017
	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị
Giá vốn hàng bán	161.323.480.101	85,66%	149.503.456.680	77,18%	120.274.025.472
Chi phí tài chính	2.729.053.205	1,45%	4.529.288.220	2,34%	1.666.255.956
Chi phí bán hàng	12.305.044.497	6,53%	14.707.132.911	7,59%	5.547.754.561
Chi phí quản lý DN	4.805.523.553	2,55%	5.949.675.936	3,07%	1.501.402.807
Chi phí khác	254.137	0,00%	6.850.791.734	3,54%	-
<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>181.163.355.493</b>	<b>96,19%</b>	<b>181.540.345.481</b>	<b>93,71%</b>	<b>128.989.438.796</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

(\*): Tỷ trọng tính trên Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

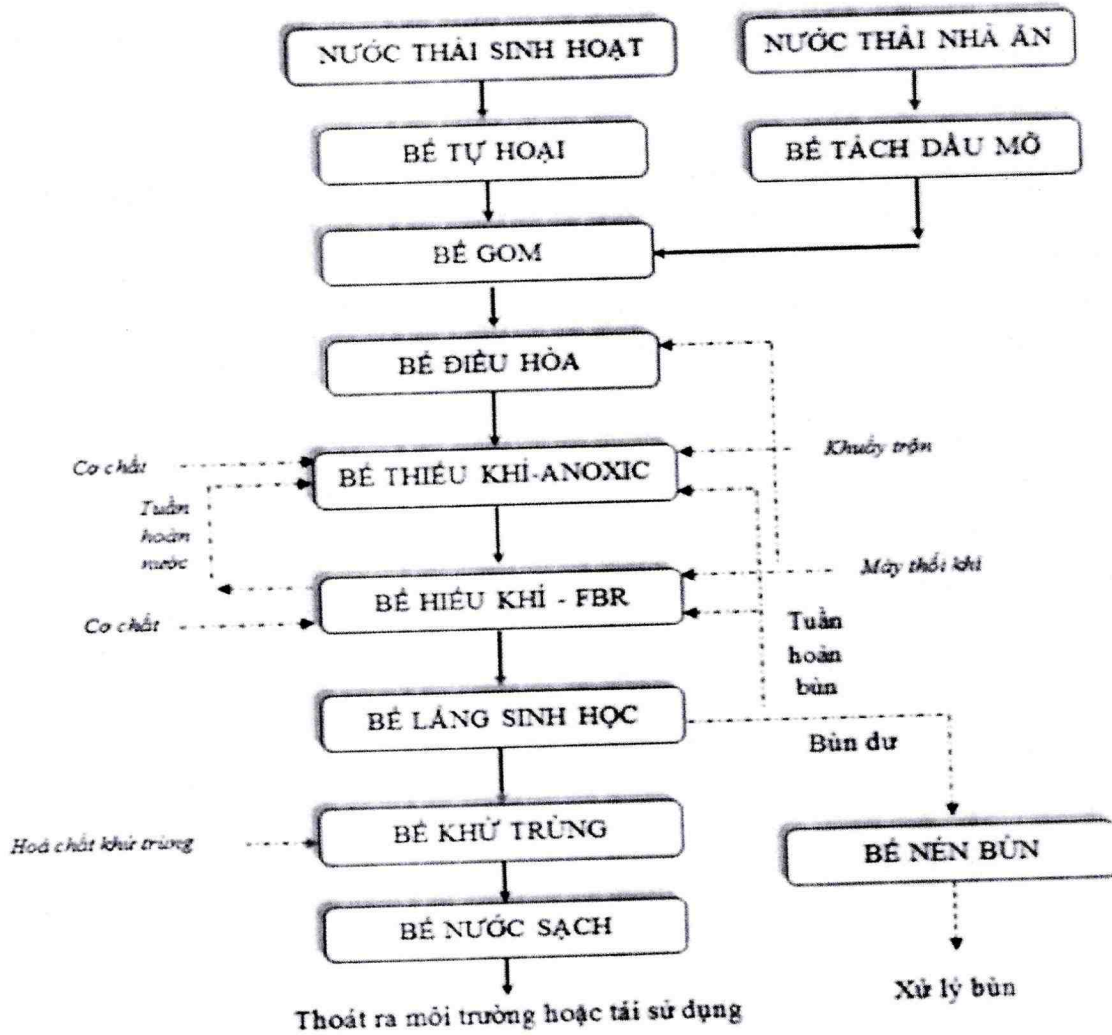
Trong cơ cấu Tổng chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt lần lượt 85,66% năm 2015 và 77,18% năm 2016. Tiếp theo là chi phí bán hàng đạt 6,53% năm 2015 và 7,59% trong năm 2016. Nguyên nhân của việc giảm chi phí giá vốn hàng bán và tăng chi phí bán hàng trong năm 2016 so với năm trước do định hướng chiến lược, tăng tỷ trọng bán thành phẩm và giảm tỷ trọng bán hàng hóa của Công ty. Do thành phẩm hạt nhựa phụ gia CaCO<sub>3</sub> chủ yếu được xuất khẩu ra nước ngoài nên chi phí bán hàng cao hơn so với thương mại hàng hóa, tuy nhiên mặt hàng này vẫn mang lại biên lợi nhuận cao hơn so với thương mại hàng hóa.

**6.5. Trình độ công nghệ**

An Phát là doanh nghiệp sản xuất phụ gia ngành nhựa hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa phụ gia và bột đá CaCO<sub>3</sub>, đồng thời, An Phát – Yên Bái được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà

xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Một số sản phẩm công nghệ mới đã được chính An Phát – Yên Bái sản xuất như hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc khác.

**Quy trình xử lý nước thải**



(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Với công nghệ xử lý nước tuần hoàn khép kín, thân thiện với môi trường mà Công ty đã triển khai áp dụng, vấn đề này đã được giải quyết khá triệt để và hiệu quả. Với hệ thống xử lý nước thải này, Công ty tin rằng giá thành sản phẩm tái chế sẽ được giảm đáng kể, đem đến cho khách hàng lợi thế về giá cả cạnh tranh. Không chỉ có vậy, hệ thống cũng sẽ góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường Việt Nam.

**6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm hạt nhựa phụ gia trên nền PE, PP chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Công ty đã sản xuất thành công hạt màu, và đang không ngừng phát triển thêm các sản phẩm mới để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa sản phẩm từ phía khách hàng. Các sản phẩm của Công ty được sử dụng rộng rãi trong nhựa PVC cứng, sản xuất bao bì, ống nhựa, tấm trần, phụ kiện nhựa cứng,... giúp gia tăng độ bền sản phẩm, độ phân tán trong hóa chất nhựa tốt hơn, độ bền được tối ưu, cải tiến quá trình sản xuất, rút ngắn thời gian và giảm chi phí. Vì vậy, hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> là một loại nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất những loại sản phẩm này, có ảnh hưởng lớn đến những đặc tính của sản phẩm như độ bền trong môi trường tự nhiên, thời gian sử dụng sản phẩm. Công ty đang phát triển thêm nhiều sản phẩm để phục vụ cho các ngành sản xuất khác nhau, mở rộng mạng lưới khách hàng và quy mô kinh doanh.

**6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 về quản lý chất lượng, ISO 14001:2004 về hệ thống môi trường, và tiêu chuẩn BRC về an toàn chất lượng. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Ngoài ra Công ty đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.

**6.8. Hoạt động Marketing**

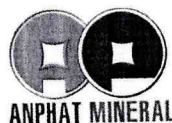
**Chính sách bán hàng:** thông thường các doanh nghiệp trong ngành thường chọn các hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thông như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đối với An Phát – Yên Bái, do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty thường tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ ngành nhựa tại Thổ Nhĩ Kỳ, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội tìm kiếm các khách hàng qua các trang thương mại điện tử bên cạnh việc quảng bá tích cực tại website: [www.anphatmineral.com](http://www.anphatmineral.com).

**Chính sách chăm sóc khách hàng:** khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thông do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn luôn có ít nhất 2 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi nào

liên quan đến An Phát – Yên Bái, đến các sản phẩm của An Phát –Yên Bái hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước

**6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Với nỗ lực không ngừng, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái đã khẳng định được vị thế vững chắc và thương hiệu trên thị trường. Để bảo vệ thương hiệu, Công ty đã đăng ký tên miền: <http://www.anphatmineral.com> do Bộ Bưu chính – Viễn thông cấp.



**6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng 8: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

*Đơn vị tính: USD*

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quốc gia
1	Azov Production Corporation	Phụ gia CaCO3	1.318.866	2016	Nga
2	Astra Polymer Compounding Co Ltd.	Phụ gia CaCO3	979.890	2016	Saudi Arabia
3	Sumitomo Corporation Asia & Ocenia Pte Ltd	Phụ gia CaCO3	275.269	2016	Singapore
4	Trade & Pack Comercial Ltda	Phụ gia CaCO3	261.299	2016	Brazil
5	Leo Group Pte Ltd.	Phụ gia CaCO3	209.680	2016	Singapore
6	Nilgiris International FZCO	Phụ gia CaCO3	191.290	2016	UAE

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quốc gia
7	Sinerji Diş Ticaret Anonim Şirketi	Phụ gia CaCO <sub>3</sub>	171.222	2016	Thổ Nhĩ Kỳ
8	Mr Importação E Exportação Ltda	Phụ gia CaCO <sub>3</sub>	153.250	2016	Brazil
9	Tsong-Kai Enterprises Company., Ltd	Phụ gia CaCO <sub>3</sub>	138.000	2016	Philipin
10	NCT Middle East FZE	Phụ gia CaCO <sub>3</sub>	133.515	2016	UAE

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)

Sản phẩm hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang các nước trên thế giới và được các đối tác chấp nhận. Tổng doanh thu xuất khẩu hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> trong năm 2016 đạt gần 4 triệu Đô la Mỹ và dự kiến thị trường này sẽ không ngừng tăng trưởng trong những năm tới. Do đặc thù cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm nhựa nên Công ty thực hiện ký hợp đồng khung với các đối tác, giá trị hợp đồng sẽ được xác định theo giá trị giao dịch thực tế hàng năm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2015 – Quý I/2017

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
Tổng tài sản	212.278.011.672	368.052.280.234	73,38	433.527.191.050
Tài sản ngắn hạn	93.040.435.396	244.146.298.643	162,4	286.528.866.645
Tài sản dài hạn	119.237.576.276	123.905.981.591	3,90	146.998.324.405
Tổng nguồn vốn	212.278.011.672	368.052.280.234	73,38	433.527.191.050
Nợ phải trả	105.792.214.753	250.327.823.184	136,6	256.095.229.285

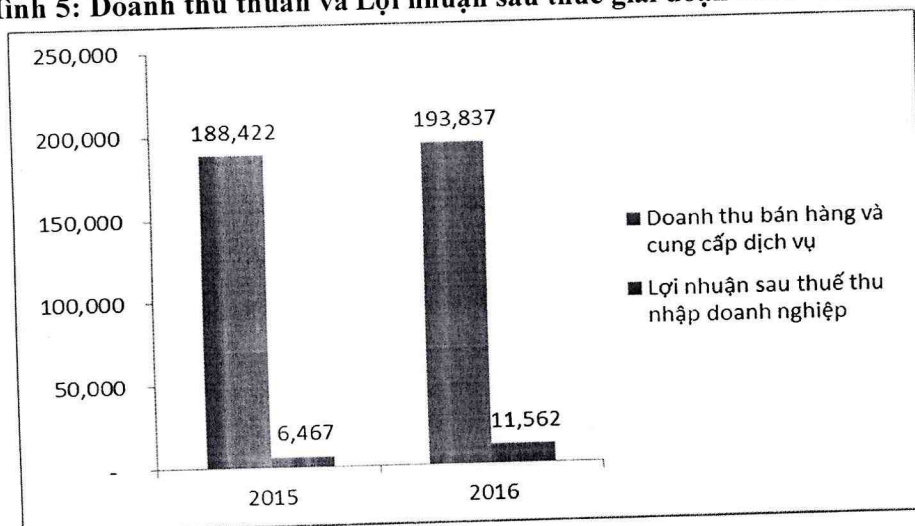


Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
<i>Trong đó:</i>				
+ <i>Nợ ngắn hạn</i>	90.792.214.753	95.325.173.184	5,0	102.526.929.285
+ <i>Nợ dài hạn</i>	15.000.000.000	155.002.650.000	933,4	153.568.300.000
Vốn chủ sở hữu	106.485.796.919	117.724.457.050	10,6	177.431.961.765
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>188.422.227.793</b>	<b>193.837.344.308</b>	<b>2,9</b>	<b>140.807.693.213</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	83.579.250	119.790.440	43,3	44.666.236
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>188.338.648.543</b>	<b>193.717.553.868</b>	<b>2,9</b>	<b>140.763.026.977</b>
Giá vốn hàng bán	161.323.480.101	149.503.456.680	-7,3	120.274.025.472
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.015.168.442</b>	<b>44.214.097.188</b>	<b>63,7</b>	<b>20.489.001.505</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.065.576.055	2.273.772.037	113,4	1.801.371.945
Chi phí tài chính	2.729.053.205	4.529.288.220	66,0	1.666.255.956
+ <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.202.592.954</i>	<i>3.409.993.795</i>	183,6	1.351.873.564
Chi phí bán hàng	12.305.044.497	14.707.132.911	19,5	5.547.754.561
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.805.523.553	5.949.675.936	23,8	1.501.402.807
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.241.123.242</b>	<b>21.301.772.158</b>	<b>158,5</b>	<b>13.574.960.126</b>
Thu nhập khác	108.935.563	24.216.653	-77,8	5.020.000

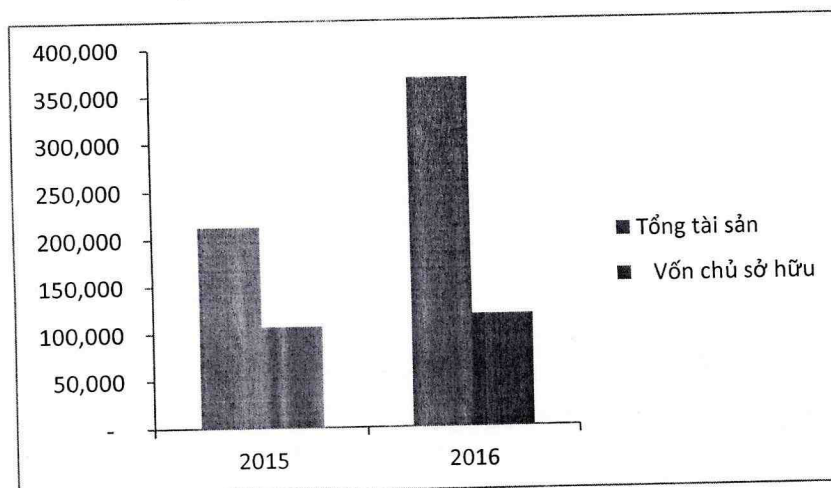
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
Chi phí khác	254.137	6.850.791.734	2.695.608	-
Lợi nhuận khác	108.681.426	-6.826.575.081	-	5.020.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.349.804.668	14.475.197.077	73,4	13.579.980.126
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.883.126.034	2.913.203.215	54,7	2.716.276.025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.466.678.634	11.561.993.862	78,8	10.863.704.101
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,07	9,82	61,78	6,12
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc	398,97%	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Hình 5: Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2015 - 2016



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)

**Hình 6: Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu giai đoạn 2014 - 2016**


(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)

Năm 2016, Tổng tài sản của Công ty đạt gần 368 tỷ đồng tăng 73,38% so với năm 2015, doanh thu thuần đạt 193,7 tỷ đồng, tăng gần 3% so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế đạt gần 14,5 tỷ đồng, tăng mạnh 73,4% so với năm 2015. Kết quả đạt được nhờ biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể, nếu như tỷ lệ biên lợi nhuận gộp năm 2015 là 11,68% thì tỷ lệ này nâng lên 22,81% trong năm 2016 dù doanh thu của Công ty chỉ tăng vọt 2,9%. Trong năm 2016, dư nợ của An Phát – Yên Bái tăng 250,3 tỷ đồng tương đương với mức tăng 933,4% so với năm trước. Nguyên nhân là do trong năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 130 tỷ đồng Trái phiếu doanh nghiệp nhằm mục đích mở rộng Nhà máy sản xuất hạt Nhựa CaCo<sub>3</sub>. Sản lượng sản xuất năm 2016 của Công ty cũng tăng mạnh đạt 19.960 tấn, đà tăng này tiếp tục duy trì trong Quý I/2017 với sản lượng sản xuất đạt 9.537 tấn. Tính đến Quý I/2017, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 13,58 tỷ đồng, tương đương 93,8% lợi nhuận trong năm 2016 và tăng 533% so với cùng kỳ.

## 7.2. Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính 2016

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

### **7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

#### **7.3.1. Thuận lợi**

- Nhu cầu của thị trường: Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao.
- Tiêu thụ trong nước: Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 90 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế các vật liệu cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...
- Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.
- Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái là đơn vị chế biến hạt nhựa phụ gia để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt.
- Doanh thu thị trường xuất khẩu năm 2014 là 53.419 triệu đồng, tăng lên 107.828 triệu đồng năm 2015 và 131.013 triệu đồng năm 2016. Về thị trường trong nước, Môi trường xanh An Phát là khách hàng lớn của Công ty. Việc Môi trường xanh An Phát đầu tư và đưa vào sử dụng thêm hai nhà máy trong năm 2017, nâng công suất thiết kế lên gấp đôi, sẽ tăng mạnh nhu cầu sử dụng hạt nhựa phụ gia của Công ty
- Bên cạnh đó, Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và tỉnh Yên Bái (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, ưu đãi thuế,...) và thuận lợi từ vị trí địa lý khi có thể dễ dàng tiếp cận nguồn nguyên liệu dồi dào tại mỏ đá Mông Sơn, Lục Yên
- Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đầu tư 06 dây chuyền sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> với mức đầu tư dự kiến khoảng 100 tỷ đồng, sau khi đi vào hoạt động Công ty sẽ tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn, phục vụ sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>.

#### **7.3.2. Khó khăn**

- Tuy nhiên, công ty cũng gặp phải một số khó khăn khi nguồn nguyên liệu của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản và hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô.

- Tại các thị trường xuất khẩu, Công ty phải cạnh tranh về giá bán với các nhà sản xuất khác và phải phát triển các dòng sản phẩm mới để đáp ứng yêu cầu của khách hàng về đa dạng hóa sản phẩm...
- Cơ cấu tổ chức hành chính thiếu linh hoạt, chậm thích nghi với sự thay đổi của thị trường, gây khó khăn cho việc phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã liên tục phát triển, mở rộng. Đến nay, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ Anphat Plastic kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, Anphat Mineral đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

Công ty là đơn vị chế biến hạt nhựa phụ gia để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt. Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty được ưu tiên cung cấp làm nguyên vật liệu đầu vào cho nhu cầu không ngừng tăng lên cho các Nhà máy của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, một phần bán ra thị trường cho các Công ty khác. Do đó, Công ty hầu như không có rủi ro về mặt thị trường.

Về thị trường xuất khẩu, doanh thu thị trường xuất khẩu năm 2014 là 53.419 triệu đồng, tăng lên 107.828 triệu đồng năm 2015 và 131.013 triệu đồng năm 2016. Về thị trường trong nước, Môi trường xanh An Phát là khách hàng lớn của Công ty. Việc Môi trường xanh An Phát đầu tư và đưa vào sử dụng thêm hai nhà máy trong năm 2017, nâng công suất thiết kế lên gấp đôi, sẽ tăng mạnh nhu cầu sử dụng hạt nhựa phụ gia của Công ty.

Trong thời gian tới, sau khi dây chuyền sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn, phục vụ sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>.

Về nguồn nhân lực, Công ty có tổng cộng 89 nhân viên trong đó 17% có trình độ Đại học và trên Đại học, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đều có kinh nghiệm trên 5 năm, riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa và hạt phụ gia. Nhìn chung, đội ngũ Ban lãnh đạo của Công ty là những nhân sự lãnh đạo giỏi, có bề dày kinh nghiệm, có trình độ tổ chức quản lý và điều hành công việc hiệu quả, chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản. Với năng lực tài chính lành mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên viên có năng lực

chuyên môn cao, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có đầy đủ khả năng đưa công ty hoàn thành xuất sắc những kế hoạch đã đặt ra.

## **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động trong lĩnh vực chế biến hạt nhựa phụ gia là một lĩnh vực còn chưa thực sự phát triển ở Việt Nam do đó số lượng đối thủ cạnh tranh là không nhiều. Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao. Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 93 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế các vật liệu cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.

Giá hạt nhựa được dự báo sẽ tăng nhẹ trong những tháng cuối năm, tuy nhiên sẽ duy trì xu hướng đi ngang. Nhật, Mỹ và EU là những thị trường tiềm năng lớn cho hoạt động xuất khẩu của các công ty ngành nhựa. Tại thị trường Mỹ, chỉ số nguyên liệu và hạt nhựa tham chiếu của thị trường Mỹ bắt đầu tăng nhẹ trong năm 2016. Hạt nhựa PP trên thị trường Mỹ tiếp tục đà tăng, nguyên nhân chủ yếu do trước đó, nguồn cung hạt nhựa PP được thắt chặt, nhưng cho phép nhập khẩu thêm nguyên liệu từ khắp nơi trên thế giới vào thị trường khiến giá bị đẩy xuống. Hiện tại, mặc dù nguyên liệu nhập khẩu vào khu vực vẫn có, tuy nhiên đã giảm, cho phép giá PP tăng trở lại. Bên cạnh đó, các thị trường khác, giá hạt nhựa PE, PP tại Thổ Nhĩ Kỳ của tháng 11 đã tăng so với các tháng trước do chịu áp lực từ việc lợi nhuận kém hơn các thị trường khác. Do đó, tạo ra cơ hội phát triển sản xuất và hoạt động kinh doanh của Công ty sang các nước EU, UAE, Ấn Độ, Nga..., do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ.

## **8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến hạt nhựa phụ gia, khai thác và chế biến bột đá, đây là một thị trường còn mới và rất tiềm năng khi nhu cầu trong và ngoài nước tăng cao. Hiện tại, có một số doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, vì vậy chúng tôi sử dụng số liệu tài chính của các công ty trong ngành đang niêm yết để so sánh với HII. Đó là các công ty: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông.

✓ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (DNP) tiền thân là Công ty Diêm Đồng Nai được thành lập từ năm 1993, hiện công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HNX với vốn điều lệ là 300,056,240,000 đồng.

✓ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là sản xuất các sản phẩm bằng nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với vốn điều lệ là 398,900,000,000 đồng.

✓ Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (RDP) tiền thân là Nhà máy Nhựa Rạng Đông trực thuộc Cty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là sản xuất bao bì nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với vốn điều lệ là 228.486.410.000 đồng.

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên được so sánh với Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái theo bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP)	CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG)	CTCP Nhựa Rạng Đông (RDP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Doanh thu thuần	1.454.703.068.206	1.393.142.677.170	1.183.683.078.396	193.717.553.868
Lợi nhuận sau thuế	96.427.496.564	52.969.114.963	53.068.665.319	11.561.993.862
Nguồn vốn chủ sở hữu	554.709.657.578	498.535.543.120	426.305.856.164	117.724.457.050
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	22.247.417	39.889.790	25.592.652	8.600.000
EPS	4.334	1.328	2.074	1.344

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của các Công ty)

So với các doanh nghiệp cùng ngành Nhựa và nguyên vật liệu cho ngành nhựa thì Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái có quy mô khá khiêm tốn so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Tuy nhiên với sự tâm huyết của Ban lãnh Công ty cùng với những chiến lược táo bạo để phát triển trong tương lai, quy mô phát triển của Công ty An Phát - Yên Bái là rất lớn. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 136 tỷ đồng nhằm tăng quy mô cạnh tranh trên thị trường và mở rộng hệ thống nhà xưởng, máy móc hiện đại nhằm gia tăng sản lượng sản xuất cũng như cắt giảm chi phí do hệ thống cũ đem lại. Doanh thu năm 2017 dự kiến đạt 1.100 tỷ đồng, LNST ước đạt 55 tỷ đồng. Đây

là mức kế hoạch mà Ban lãnh đạo Công ty đánh giá khả thi và phù hợp với tình hình phát triển của Công ty. Hiện tại, Công ty đang giao dịch với mức EPS đạt 1.344 đồng/cổ phiếu, đây là mức trung bình so với ngành Nhựa hiện nay.

#### **8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Các định hướng phát triển chiến lược, cũng như các dự án đầu tư của Công ty được xác định trên cơ sở quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xu thế chung của thế giới. Định hướng của Công ty là tận dụng mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hệ thống, nhằm chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác đá trắng với mục đích xây dựng Công ty thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá trắng tại Việt Nam.

Do bột đá CaCO<sub>3</sub>, sản phẩm chính của Công ty, là sản phẩm có khả năng ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ vật liệu xây dựng, sản xuất giấy, bao bì, lốp xe đến thức ăn chăn nuôi, nhu cầu trong nước là khá lớn. Bên cạnh đó, nhờ các mỏ đá trắng tại Việt Nam đều có độ trắng tinh khiết cao nên sản phẩm bột đá rất được các thị trường xuất khẩu ưu chuộng. Vì vậy, trong năm tới Công ty sẽ tiếp tục mở rộng trong lĩnh vực sản xuất bột đá. Khu công nghiệp và nhà máy sản xuất của Công ty đều được đặt tại Yên Bái, một trong hai nơi có nguồn khai thác đá tự nhiên với chất lượng ổn định và đảm bảo nguồn cung dồi dào. Do đó, sự gia tăng trong nhu cầu trong và ngoài nước, Công ty sẽ vẫn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu để khai thác và chế biến.

Bên cạnh đó, sản phẩm bột đá của Công ty được sản xuất theo mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đội ngũ nhân lực được đào tạo chuyên sâu, các kỹ sư của nhà máy thường xuyên được huấn luyện bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm và làm chủ dây chuyền và xử lý trong các trường hợp gặp sự cố. Quy trình sản xuất luôn tuân thủ để đảm bảo tạo ra các sản phẩm chất lượng cao để phát huy tối đa hiệu quả chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác đá trắng nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông, Nhà nước và cho Công ty.

### **9. Chính sách đối với người lao động**

#### **9.1. Số lượng người lao động trong Công ty**

Tổng số lao động làm việc của Công ty là 89 người với độ tuổi trung bình là 32 tuổi. Với chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, được đào tạo chính quy, bồi dưỡng thường xuyên và đã được chủ đầu tư, chuyên gia nước ngoài và khách hàng đánh giá cao.



**Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 08/3/2017**

<b>Cơ cấu lao động</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>89</b>	<b>100%</b>
Đại học và trên đại học	15	16,85
Cao đẳng	8	8,99
Trung cấp	4	4,49
Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật dạy nghề	5	5,62
Lao động chưa qua đào tạo	57	64,05
<b>Theo phân công lao động</b>	<b>89</b>	<b>100%</b>
Lao động trực tiếp	43	43,81
Lao động quản lý	46	51,69
<b>Theo giới tính</b>	<b>89</b>	<b>100%</b>
Nam	55	61,80
Nữ	34	38,20

*(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)*

**9.2. Chính sách đối với người lao động**

**9.2.1. Chế độ làm việc**

Người lao động trong Công ty đều được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Công ty cũng đảm bảo thực hiện chế độ làm việc, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ và các chế độ liên quan cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên hàng năm được nghỉ 12 ngày làm việc. Số ngày nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc, cứ đủ 5 năm làm việc thì được nghỉ thêm 1 ngày. Những CBNV có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì thời gian nghỉ hàng năm được tính theo tỷ lệ tương đương với số tháng làm việc trong năm.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

### **9.2.2. Chính sách tuyển dụng**

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn có các chính sách thu hút nhân tài và tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

### **9.2.3. Chính sách đào tạo**

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nội dung và hình thức đào tạo: Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ. Hướng tới tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng chuyên môn. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

### **9.2.4. Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ thể thao, du lịch,... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

Mức lương bình quân của Cán bộ nhân viên công ty trong giai đoạn 2015 – 2016:

+ Năm 2015: 5.000.000 đồng/người

+ Năm 2016: 6.000.000 đồng/người

#### 10. Chính sách cổ tức

Công ty cũng đã có chính sách chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc: Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, Công ty chi trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định Công ty vẫn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Dự kiến cổ tức năm 2017 của Công ty theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua là 10% - 15% bằng tiền mặt

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức chi trả
Năm 2015	30%	Tiền mặt
Năm 2016	-	-
Năm 2017	10-15%	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

#### 11. Tình hình hoạt động tài chính

##### 11.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được thực hiện ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi

nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

**Bảng 3: Thời gian khấu hao TSCĐ**

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	30 năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**Danh sách trích khấu hao tài sản cố định vô hình:**

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	15.926.986.836	1.710.357.065	14.216.629.771

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua

**11.3. Các khoản phải nộp theo luật định**

Thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

**Bảng 4: Chi tiết số dư các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.182.593	465.081.387
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.124.673	7.205.565
	<b>Tổng cộng</b>	<b>222.307.266</b>	<b>472.286.952</b>

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**11.4. Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

**Bảng 5: Chi tiết các quỹ**

Đơn vị tính: Đồng

	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
Quỹ khen thưởng phúc lợi	377.023.922	4.167.625	269.582.201
Quỹ đầu tư phát triển	4.064.590.888	4.387.924.619	4.966.024.312
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542	1.564.926.542

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

**11.5. Tổng dư nợ vay**

**Bảng 6: Chi tiết số dư các khoản vay**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
<b>I</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>74.639.291.857</b>	<b>81.457.206.927</b>	<b>84.540.428.913</b>
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Dương <sup>(1)</sup>	903.901.875	56.730.579.472	41.546.388.920
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Dương <sup>(2)</sup>	73.735.389.982	24.726.627.455	42.994.039.993
<b>II</b>	<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>155.002.650.000</b>	<b>153.568.300.000</b>

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Dương <sup>(3)</sup>	15.000.000.000	26.237.650.000	24.738.300.000
2	Trái phiếu phát hành <sup>(4)</sup>	-	128.765.000.000	128.830.000.000

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

- Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào đến hạn thanh toán.
- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/31975334/HĐTD ngày 04/05/2016 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt nam và ngoại tệ quy đổi. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30/04/2017, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo lãnh mở L/C. lãi suất và các loại phí phát sinh được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng hàng tồn kho, tài sản cố định và các hình thức bảo lãnh từ các bên thứ ba khác. Dự nợ tại thời điểm 31/03/2017 là 41.546.388.920 đồng.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam – CN Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 83/2016-HĐTDHM/KCNHD5 ngày 15/04/2016, hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô La Mỹ. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 15/04/2017, thời hạn vay vốn tối đa là 5 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp. Dự nợ vay tính đến thời điểm 31/03/2017 là 42.994.039.993.
- (3) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Dương theo hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HDDTDDDA/KCNHD5 ngày 27/11/2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày

27/05/2015 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

- Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19/9/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27/05/2015 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

(4) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD – ANPHATYENBAI ngày 20/10/2016 với số lượng 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Ngân hàng mua với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn. Dư nợ tại thời điểm 31/03/2017 là 128.830.000.000 đồng.

**11.6. Tình hình hàng tồn kho**

**Bảng 7: Chi tiết hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: Đồng*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
1	Hàng hóa tồn kho	28.654.771.679	32.769.273.749	32.419.987.253
	Nguyên vật liệu	22.712.720.220	26.759.812.518	28.056.671.484
	Công cụ và dụng cụ	1.048.649.788	1.023.688.787	1.268.977.132
	Thành phẩm	4.893.401.671	4.985.772.444	3.094.338.637

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm các nguyên vật liệu sản xuất phụ gia nhựa như bột đá CaCo<sub>3</sub>, hạt nhựa nguyên sinh và các thành phẩm hạt phụ gia Calbest...

**11.7. Tình hình công nợ hiện nay**

**11.7.1. Các khoản phải thu**

**Bảng 8: Chi tiết các khoản phải thu**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
<b>1</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>8.795.009.766</b>	<b>69.642.407.197</b>	<b>93.147.189.613</b>
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.752.505.497	21.865.997.602	66.176.282.348
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.082.968.034	37.206.708.850	17.683.700.730
	Phải thu ngắn hạn khác	121.641.616	10.801.279.850	9.518.785.650
	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-162.105.381	-231.579.115	-231.579.115
<b>2</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Các khoản phải thu của Công ty có xu hướng tăng dần qua các năm từ 8,8 tỷ đồng năm 2015 lên 69,6 tỷ đồng năm 2016 chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh bán sản phẩm, hàng hoá trong năm. Các đơn hàng, khách hàng tăng lên cũng làm ảnh hưởng tới công tác thu hồi công nợ của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ thực hiện đàm phán lại những điều khoản trong hợp đồng đồng thời đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ được sớm hơn.

**11.7.2. Các khoản phải trả**

**Bảng 9: Chi tiết các khoản phải trả**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>90.792.214.753</b>	<b>95.325.173.184</b>	<b>102.526.929.285</b>



STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
1.1	Phải trả người bán ngắn hạn	4.247.887.945	8.389.248.322	13.014.606.571
1.2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.443.856.177	1.860.202.962	792.275.436
1.3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	222.307.266	472.286.952	2.730.272.216
1.4	Phải trả người lao động	208.095.778	601.003.096	694.981.053
1.5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	2.080.000.000	-
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	653.751.808	461.057.300	484.782.895
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.639.291.857	81.457.206.927	84.540.428.913
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	377.023.922	4.167.625	269.582.201
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>155.002.650.000</b>	<b>153.568.300.000</b>
2.1	Vay dài hạn	15.000.000.000	155.002.650.000	153.568.300.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý I/2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty không có sự biến động quá lớn trong năm 2016, tính đến quý I/2017, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 102,5 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2016. Khoản nợ dài hạn của Công ty đạt 155 tỷ đồng trong năm 2016, tăng hơn 10 lần so với cùng kỳ năm 2015 là do trong năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 130 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp để mở rộng nhà xưởng, máy móc mở rộng sản xuất kinh doanh.

**11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	1,02	2,56
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	0,71	2,22
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,50	0,68

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,99	2,13
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	lần	0,50	0,32
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,34	4,87
- Số ngày vòng quay hàng tồn kho	ngày	39	74
- Vòng quay các khoản phải thu	vòng	25,76	13,08
- Số ngày các khoản phải thu	ngày	14	28
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,09	0,67
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,43	5,97
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,56	10,31
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,73	3,98
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,38	11,00

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Hầu hết các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán và các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng đáng kể trong năm 2016.

**Nhóm chỉ số khả năng thanh toán:** Đây là nhóm chỉ số phản ánh khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Hai chỉ số hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều có những chuyển biến hết sức tích cực từ 2015 đến 2016. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,02 đến 2,56 (tương đương mức tăng hơn 2,5 lần) trong khi đó hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,71 đến 2,22 (~ hơn 3 lần). Bộ chỉ số này tăng lên cho thấy mức thanh khoản của Công ty đang tốt lên trong giai đoạn từ 2015 đến 2016.

Về nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng 36% từ 0,5 lên 0,68. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng đạt mức tăng 2,2 lần so với cùng kỳ trong khi Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản ghi nhận mức giảm 36% tương ứng do trong năm 2016, Công ty đẩy mạnh hoạt động vay nợ và phát hành trái phiếu nhằm thu hút nguồn vốn để đầu tư đầy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về năng lực hoạt động của tài sản ngắn hạn, cả hai chỉ số về vòng quay khoản phải thu và vòng quay hàng tồn đều ghi nhận mức giảm đáng kể. Trong khi vòng quay hàng tồn kho của công ty giảm 47,8% thì vòng quay khoản phải thu cũng giảm 49,22% so với năm trước. Nguyên nhân chính của những chuyển biến này là kết quả hoạt động kinh doanh mà cụ thể là giá vốn hàng bán của công ty đã giảm 7,3% trong giai đoạn từ 2015 đến 2016 do trong năm 2016 Công ty giảm sản lượng kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh làm giá vốn bán hàng hóa giảm hơn 50%. Trong khi đó cả hai khoản mục là hàng tồn kho bình quân và khoản phải thu bình quân không có quá nhiều biến động. Về năng lực hoạt động của tổng tài sản, chỉ số này cũng giảm từ 1,09 xuống 0,67. Như đã phân tích ở trên doanh thu thuần của công ty tăng nhẹ trong khi đó tổng tài sản của công ty lại tăng rất mạnh đạt 73,4%.

Về nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời, trong khi hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình (ROE) quân tăng 85,4% thì hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) lại không có sự biến động đáng kể. Hệ số ROE phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế, trong khi đó hệ số ROA trả lời cho câu hỏi một đồng tổng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Từ 2015 đến 2016, trong khi tổng tài sản của công ty tăng mạnh 73,4% thì vốn chủ sở hữu của công ty lại đạt mức tăng chỉ vốn vện 10,5%. Trong quãng thời gian đó, lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng 78,79%. Điều này lý giải tại sao ROA của công ty không có nhiều biến đổi trong khi ROE tăng mạnh. Bên cạnh đó, Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lại tăng mạnh lần lượt đạt mức tăng tương ứng 74,05%. Điều này cho thấy một đồng doanh thu thuần tạo ra nhiều lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hơn.

**12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng**

**12.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Đức Tứ	Thành viên HĐQT độc lập
3	Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT
4	Đặng Thị Quỳnh Phương	Thành viên HĐQT
5	Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT

❖ **Ông Vũ Thanh Bình – Chủ tịch HĐQT**

Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 09/12/1988  
 Số CMTND: 012088000004 cấp ngày 04/07/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Thái Bình  
 Địa chỉ thường trú: Xóm 17, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội  
 Trình độ văn hoá: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2010 – 2011	Nhân viên Điều phối dự án An Phát - IMPAC - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
2011 – 12/2012	Giám đốc Nhà máy - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
1/2013 – 3/2016	Giám đốc Công ty - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
4/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đang nắm giữ: 4.800.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 35,29% vốn điều lệ Công ty)

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Cổ phần đại diện sở hữu: 4.800.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 35,29% vốn điều lệ Công ty)

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không có
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

**❖ Ông Lê Đức Tứ – Thành viên HĐQT độc lập**

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/10/1948
Số CMND:	042048000044 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/06/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Thạch Châu, Lộc Hà, Hà Tĩnh
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Thương Mại Hà Nội Kỹ sư Đại học Hàng không Học viện không quân Liên Xô cũ Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
1983 - 1989	Đội trưởng đội bay Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam
1989 – 1993	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
1993 – 1995	Tổng Giám đốc Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
1995 – 1999	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2000 - 2012	Thành viên HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam
Từ 3/2017 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

**❖ Bà Trần Thị Thoán – Thành viên HĐQT**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	27/07/1985
Số CMTND:	142232223 cấp ngày 14/07/2002 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Nam Sách – Nam Sách – Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:	

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
06/2007 - 09/2009	Phụ trách đối ngoại Công ty TNHH XQ Việt Nam
2009 - 12/2015	Giám đốc trung tâm kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An

12/2015 đến 2/2017	Phát Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Từ 3/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

**❖ Bà Đặng Thị Quỳnh Phương – Thành viên HĐQT**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	24/10/1989
Số CMTND:	030189000926 cấp ngày 08/4/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán: Hải Dương  
 Địa chỉ thường trú: Đại Đồng - Tứ Kỳ - Hải Dương  
 Trình độ văn hoá: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2012 - 2015	Nhân viên CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
12/2015 đến 3/2016	Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
28/2/2016 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
8/3/2016 nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT



**❖ Ông Lê Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1980
Số CMTND:	142026980 cấp ngày 03/05/2013 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Đường Nguyễn thượng Mẫn – Bình Hàn – TP Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
T3/2007 – T10/2009	Tổ trưởng tại Công ty cổ phần nhựa và bao bì An PHÁT
T10/2009 – T1/2013	Giám đốc Công ty CP khoáng sản An Phát – Yên Bái
T12/2015 đến nay	Giám đốc nhà máy 2 CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
3/2017	Giám đốc nhà máy 2 CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Giám đốc nhà máy CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

**12.2. Ban Giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thanh Bình	Giám đốc
2	Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
3	Phạm Văn Khương	Phó Giám đốc

❖ **Ông Vũ Thanh Bình:** Xem trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

❖ **Bà Nguyễn Thị Thu Nhân – Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/02/1988
Số CMTND:	060823371 cấp ngày 12/02/2016 tại CA Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Yên Bái
Địa chỉ thường trú:	Phường Hợp Minh – TP Yên Bái – Yên Bái
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính, Chứng chỉ kế toán trưởng
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
8/2011 – 2012	Nhân viên Kế toán - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
2012 – 2015	Phụ trách Phòng kế toán - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
2016 – nay	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng - CTCP Nhựa và Khoáng sản An

**Phát-Yên Bái**

Chức vụ hiện nay:	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**❖ Ông Phạm Văn Khương – Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/09/1984
Số CMTND:	142275792 cấp ngày 25/02/2003 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
2007 – 2013	Trợ lý giám đốc Khách sạn Victoria Sapa
2/2014 – 7/2016	Nhân viên bán hàng quốc tế CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
2016 – nay	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Phó Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**12.3. Ban Kiểm soát**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>
1	Nguyễn Thị Hương	Trưởng BKS
2	Đặng Thị Xuê	Kiểm soát viên
3	Hoàng Phương Hằng	Kiểm soát viên

**❖ Bà Nguyễn Thị Hương – Trưởng Ban Kiểm soát**

Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 20/06/1984

Số CMTND: 142040656 cấp ngày 13/7/2013 tại CA Hải Dương  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Hải Dương  
 Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Hưng, Xã Tây Hưng, Huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng.  
 Trình độ văn hoá: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2004 – 2007	Quản lý kho thiết bị kỹ thuật - Công ty TNHH Nissei Electric Viet Nam (Nev)
12/2007 – 05/2009	Quản lý kho thiết bị kỹ thuật - Công ty Tnhh Nissei Electric Hà Nội (Neh)
07/2009 – 03/2017	Nhân viên - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Từ 2010 đến 3/2017	Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
Từ tháng 3/2017 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái

Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Thù lao, thưởng của BKS

❖ **Bà Đặng Thị Xuê – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/10/1982
Số CMTND:	030182002256 cấp ngày 16/5/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Khu 5, P.Hải Tân, TP Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
2007-2/2008	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình
3/2008 - 5/2013	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
6/2013- nay	Nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của BKS

**❖ Bà Hoàng Phương Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	28/12/1993
Số CMTND:	142694809 cấp ngày 02/8/2013 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
05/2016 - nay	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
3/2016 - nay	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của BKS

**13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty**

**13.1. Tài sản cố định**

**Bảng 10: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016**

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tổng
Nguyên giá	38.243.388.869	79.516.541.580	4.701.510.758	1.341.337.637	1.902.000.000	<b>125.704.778.844</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	8.616.181.061	11.564.072.912	2.113.943.379	233.063.505	379.346.256	<b>22.906.607.113</b>
Giá trị còn lại	29.627.207.808	67.952.468.668	2.587.567.379	1.108.274.132	1.522.653.744	<b>102.798.171.731</b>

*(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)*

**13.2. Tình hình sử dụng đất**

**Bảng 11: Tình hình sử dụng đất của Công ty**

STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức (giao, thuê)	Thời hạn thuê đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng
1	Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	40.081	Đất thuê thời hạn 49 năm	49 năm	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 045948 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Yên Bái	Trụ sở công ty và xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia

*(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)*



14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018 của Công ty

Bảng 12: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016 (triệu đồng)	Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	193.837	1.100.000	467,49	1.300.000	18,18
+ Hạt nhựa phụ gia CaCo3	171.463	340.000	98,29	490.000	44,12
+ Hoạt động vận tải	-	105.000	-	120.000	14,29
+ Thương mại hạt nhựa	22.375	665.000	2.872,1	690.000	3,76
Lợi nhuận sau thuế	11.562	55.000	375,70	69.000	25,45
+ Hạt nhựa phụ gia CaCo3	10.624	28.000	163,55	40.400	45,43
+ Hoạt động vận tải	-	9.000	-	10.000	11,20
+ Thương mại hạt nhựa	938	18.000	1.819,25	18.600	3,76
Vốn chủ sở hữu	117.724	159.124	35,17	214.524	34,82
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	5,97%	5%	-16,2	5,3%	6,0
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	9,82	34,56	251,9	32,16	(6.94)
Cổ tức (%) (*)	-	10-15%	-	10-15%	-

(\*): Mức cổ tức tối thiểu dự định chi trả.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Năm 2017, công ty đã đề ra kế hoạch đạt 1.100 tỷ đồng doanh thu trong đó: doanh thu từ hoạt động kinh doanh hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> ước đạt 340 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động vận tải đạt 105 tỷ đồng và hoạt động thương mại hạt nhựa ước đạt 665 tỷ đồng. Mức lợi nhuận tương ứng từ mảng hoạt động kinh doanh là: hạt nhựa phụ gia Caco<sub>3</sub> (28 tỷ đồng), vận tải

(9 tỷ đồng), thương mại hạt nhựa (18 tỷ đồng).

#### **14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất với việc đưa dự án Nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> đi vào hoạt động, tăng năng suất của các dây chuyền sản xuất hạt như CaCO<sub>3</sub>, cũng như đẩy mạnh hoạt động thương mại hạt nhựa, dịch vụ vận tải. Hiện tại, Công ty đã tích cực cải tiến máy móc, nâng cao năng suất lao động. Dây chuyền máy móc mới lắp đặt có nhiều ưu việt hơn so với dây chuyền cũ, đảm bảo tăng sản lượng, giảm chi phí, giúp tăng lợi nhuận. Công ty đang thực hiện mua thêm máy móc, thiết bị nhằm tăng sản lượng mảng sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>. Dự kiến đến Quý III/2017, công suất nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> đạt 100.000 tấn/năm.

Ngày 20/10/2016, Công ty đã phát hành thành công 130 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương với kỳ hạn trái phiếu là 5 năm, lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm để triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> và mở rộng nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>. Dự kiến nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> sẽ đi vào hoạt động trong tháng 07/2017 với công suất dự kiến đạt 120.000 tấn/năm. Đồng thời, Công ty đang đẩy mạnh mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm và tập trung phát triển tại các thị trường lớn trong và ngoài nước.

Năm 2017, Công ty sẽ thực hiện phát triển mạnh hai mảng hoạt động là Thương mại hạt nhựa và Dịch vụ vận tải hàng hoá của các công ty con nhằm tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty đang triển khai dự án mở rộng nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> và nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub>. Đồng thời, Công ty đang đẩy mạnh mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm và tập trung phát triển tại các thị trường lớn.

Năm 2017, Công ty sẽ thực hiện phát triển mạnh hai mảng hoạt động là Thương mại hạt nhựa và Dịch vụ vận tải hàng hoá của các công ty con. Dự kiến mảng kinh doanh thương mại hạt nhựa đạt mức 665 tỷ đồng trong năm 2017.

#### **15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty**

##### **❖ Định hướng phát triển:**

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> cho ngành nhựa trên thế giới Anphat Mineral luôn đặt phương châm "*Uy tín – Chất lượng*" của Công ty lên hàng đầu.

##### **➤ Đẩy mạnh sản xuất**

Trong các năm tới, xác định nguồn nguyên liệu hóa thạch sẽ cạn kiệt nên nhu cầu pha trộn các chất độn như hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> trong ngành nhựa là rất lớn. Trong khi đó

nguồn nguyên liệu đá trắng  $\text{CaCO}_3$  tại Yên Bái được đánh giá là đẹp nhất Đông Nam Á, phù hợp với ứng dụng trong cách ngành nhựa và sơn... Nhận biết được các lợi thế đó Ban lãnh đạo công ty đã định hướng đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm Hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  và Bột đá  $\text{CaCO}_3$  để cung cấp ra thị trường.

Dự án sản xuất Bột đá  $\text{CaCO}_3$  với tổng công suất thiết kế 222.000 tấn/năm và dự kiến đi vào hoạt động trong quý 3/2016, sau khi đi vào hoạt động sản phẩm của Nhà máy sẽ được xuất khẩu sang các thị trường lớn là EU, UAE, Nga, Ấn Độ ... bên cạnh việc làm nguyên liệu đầu vào cho dự án Nhà máy nhựa  $\text{CaCO}_3$  của Công ty.

Không chỉ dừng lại ở đó, Công ty còn đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

#### ➤ **Đẩy mạnh xuất khẩu**

Hội đồng quản trị Công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, UAE, Trung Đông, Ấn độ, Nga ..., do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là Hạt phụ gia  $\text{CaCO}_3$ .



#### ➤ **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**

Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện điều chỉnh nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Yên Bái và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập quỹ từ thiện, quỹ khuyến học...

#### ❖ **Giải pháp thực hiện:**

Để thực hiện được những mục tiêu, định hướng đã được đề ra, trước hết Ban Giám đốc

Công ty đã xác định những mục tiêu đó phải phù hợp với tiềm lực vốn có của Công ty sau đó đề ra những phương án cụ thể cho từng lĩnh vực để triển khai một cách hiệu quả theo đúng kế hoạch.

Tính đến hết Quý I/2017, doanh thu thuần của Công ty là 140,8 tỷ đồng, tăng mạnh gấp 3,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 10.864 triệu đồng, tăng gấp 6,3 lần so cùng kỳ. Nguyên nhân do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh. Với ưu thế hợp tác lâu năm với các đối tác nước ngoài như Cherron Philips, CCC, Sabic, Dealim... Công ty hiện là một trong những đối tác lớn chuyên cung cấp hạt nhựa nguyên sinh ra thị trường Việt Nam.

Công ty cũng đang triển khai mở rộng sản xuất kinh doanh, mua máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất. Dự kiến đến Quý III/2017, Công suất của Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo3 đạt 100.000 tấn/năm.

Đối với mảng sản xuất bột đá CaCo3, dự kiến trong tháng 6/2017, Nhà máy sản xuất bột đá CaCo3 sẽ được vận hành thử và đi vào hoạt động trong tháng 7/2017. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, dự kiến công suất của Nhà máy sẽ đạt 120.000 tấn/năm (tương đương với khoảng 1/2 công suất thiết kế). Trong tương lai, Công ty sẽ hoàn thiện việc xây dựng và bổ sung máy móc với mục tiêu sản xuất đạt 222.000 tấn/năm.

Trong Quý I/2017, Công ty đã triển khai góp vốn thành lập Công ty con để đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh thương mại hạt nhựa và dịch vụ vận tải, logistic... Theo tính toán, Công ty có thể tiết giảm 20% – 30% chi phí khi các công ty con đi vào hoạt động.

#### **16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm 2017 và 2018 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của

chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

**17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Công ty cam kết sẽ sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014. Trong thời gian chưa sửa Điều lệ, Công ty cam kết thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Thông tư 121/2012/TT-BTC.

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán**

Cổ phần phổ thông

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phần

**3. Mã chứng khoán**

HII

**4. Tổng số chứng khoán niêm yết**

13.600.000 cổ phần

**5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Theo đó, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào. Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của HII.

Vì vậy, Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 4.800.000 cổ phiếu, chiếm 35,29% trên vốn điều lệ của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
1	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	4.800.000	2.400.000

STT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.800.000</b>	<b>2.400.000</b>

**6. Phương pháp tính giá**

Giá cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo giá trung bình có tính đến trọng số của các phương pháp tính giá khác nhau:

❖ **Giá trị sổ sách của cổ phiếu:**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu HII tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/03/2017
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	117.724.457.050	177.431.961.765
Tài sản cố định vô hình (B)	14.216.629.771	14.133.653.332
Số lượng cổ phần đang lưu hành (Cổ phần)	8.600.000	13.600.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = [(A)-(B)]/Cổ phiếu (đồng/cổ phần)	12.035,79	12.007,22

❖ **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E)**

Theo phương pháp này, giá trị sổ sách một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E_{bq}$$

Trong đó:

- + **P:** Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- + **EPS:** Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu
- + **P/E<sub>bq</sub>:** Được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty cùng ngành đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ số P/E được tính toán bằng giá trị P/E bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm

yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu HII = P/E trung bình \* EPS (HII)

Chỉ tiêu	CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP)	CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG)	CTCP Nhựa Rạng Đông (RDP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Giá trị trung bình cổ phiếu trong 20 phiên giao dịch tính đến thời điểm 22/05/2017 (đồng)	27.912	13.409	15.545	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31/12/2016	4.334	1.328	2.074	1.344
Hệ số P/E	6,44	10,10	7,50	
Hệ số P/E trung bình	<b>8,01</b>			

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2016 của các Công ty)

Giá cổ phiếu HII = Hệ số P/E trung bình \* Lãi cơ bản trên cổ phiếu (HII)

$$= 8,01 * 1.344 = 10.771 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

❖ **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B)**

Theo phương pháp này, giá trị một cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = BV \times P/Bbqn$$

Trong đó:

- + **P**: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- + **BV**: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu
- + **P/Bbqn**: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty cùng ngành đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ số P/B được tính toán bằng giá trị P/B bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu HII = P/B trung bình \* Book value (HII)



Chỉ tiêu	CTCP Nhựa Đông Nai (DNP)	CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG)	CTCP Nhựa Rạng Đông (RDP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Giá trị trung bình cổ phiếu trong 20 phiên giao dịch tính đến thời điểm 22/05/2017 (đồng)	27.912	13.409	15.545	
Nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 (đồng)	554.709.657.578	498.535.543.120	426.305.856.164	117.724.457.050
Tổng số cổ phần	22.247.417	39.889.790	25.592.652	8.600.000
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần tại ngày 31/12/2016 (đồng)	24.934	12.498	16.657	12.036
Hệ số P/B	1,12	1,07	0,93	
Hệ số P/B trung bình		1,04		

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2016 của các Công ty)

Giá cổ phiếu HII = Hệ số P/B trung bình \* Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (HII)

$$= 1,04 * 12.036 = 12.540 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

❖ **Giá tham chiếu**

Giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái được tính theo trọng số của ba phương pháp: Giá trị sổ sách của cổ phiếu với tỷ trọng 50%; Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E) với tỷ trọng 20%; và Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B) với tỷ trọng 30%.

$$\begin{aligned} \text{Giá tham chiếu (HII)} &= (12.036 * 50\%) + (12.540 * 30\%) + (10.771 * 20\%) \\ &= 11.934 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

❖ **Các Phương pháp khác**

Trên cơ sở các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày đầu giao dịch của cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái là 11.900 đồng/cổ phiếu.

7. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Hiện tại, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu

của người nước ngoài. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 có hiệu lực từ ngày 01/09/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, trong đó quy định:

*“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*

*a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*

*b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*

*Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;*

*c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;*

*d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”*

Tuy nhiên, do hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh của các công ty đại chúng theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ có hiệu lực từ ngày 01/09/2015 nên Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái tạm thời sẽ áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Sau khi có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu theo ngành nghề kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật và sẽ thực hiện việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (nếu có) thông qua triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Việc báo cáo và công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tại ngày 09/05/2017 là 0 cổ phần (tương đương với tỷ lệ sở hữu là 0% vốn điều lệ).

## **8. Các loại thuế có liên quan**

### **8.1. Đối với Công ty**

#### **❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

**8.2. Đối với nhà đầu tư**

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
  - ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
  - ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
  - Thu nhập từ cổ tức:
  - ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
  - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.
- ❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- 
- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  - ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
  - Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

---

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

**1. Đơn vị tư vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3556 2875/76

Fax: 04.3556 2874

**2. Đơn vị kiểm toán**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 6664 2777

Fax: 04. 6664 3777

**VII. PHỤ LỤC**

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái;

Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính công ty kiểm toán năm 2015 và 2016;

Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

Yên Bái, ngày tháng năm 2017

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT - YÊN BÁI

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ KHOÁNG SẢN  
AN PHÁT - YÊN BÁI  
TP. YÊN BÁI - T. YÊN



Vũ Thanh Bình

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Nhân

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Hương

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG  
CÔNG THƯƠNG  
VIỆT NAM  
D. HÀI BÀ TRUNG TP. HÀ NỘI



Nguyễn Minh Giang